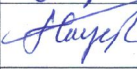
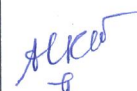
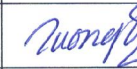


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NAM TRỰC  
TRƯỜNG MẦM NON NAM HÙNG

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên           | Chức vụ                           | Nhiệm vụ        | Chữ ký                                                                                |
|----|---------------------|-----------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Thúy     | Hiệu trưởng                       | Chủ tịch HĐ     |    |
| 2  | Bùi Thị Thanh Huyền | Phó Hiệu trưởng                   | Phó chủ tịch HĐ |    |
| 4  | Vũ Thị Hợp          | Giáo viên, Chủ tịch<br>CĐ         | Thư ký HĐ       |   |
| 5  | Phạm Thị Hiền       | Giáo viên,<br>TTCMMG              | Ủy viên HĐ      |  |
| 6  | Tô Thị Liên         | Giáo viên, TTCM<br>Nhà trẻ        | Ủy viên HĐ      |  |
| 7  | Phạm Thị Trang      | Giáo viên- Kế toán                | Ủy viên HĐ      |  |
| 8  | Ngô Thị Tươi        | Giáo viên,<br>TPCMMG              | Ủy viên HĐ      |  |
| 9  | Nguyễn Thị Hay      | Giáo viên, Bí thư<br>Đoàn TNCSHCM | Ủy viên HĐ      |  |
| 10 | Nguyễn Thị Tường Vi | Giáo viên                         | Ủy viên HĐ      |  |
| 11 | Đoàn Thị Thúy Hằng  | Giáo viên                         | Ủy viên HĐ      |  |

2  
**MỤC LỤC**

|                                                                                                    |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Nội dung .....                                                                                     | Trang     |
| <b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>                                                             | <b>4</b>  |
| <b>TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....</b>                                                           | <b>5</b>  |
| <b>Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU .....</b>                                                                 | <b>7</b>  |
| <b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ .....</b>                                                                  | <b>12</b> |
| I. ĐẶT VẤN ĐỀ .....                                                                                | 12        |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ .....                                                                               | 15        |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.....                                                   | 15        |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường .....                     | 15        |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác..... | 20        |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.....   | 24        |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng .....                    | 28        |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.....                                                | 32        |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.....                                        | 34        |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.....                                          | 37        |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục .....                                                 | 39        |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.....                                                 | 41        |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học .....                                   | 43        |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.....                                          | 48        |
| Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.....                                            | 48        |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên .....                                                              | 52        |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên .....                                                              | 56        |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất thiết bị dạy học .....                                                | 60        |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.....                                               | 60        |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.....                 | 64        |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị .....                                                 | 66        |

|                                                                                                                 |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Tiêu chí 3.4: Khôi phòng tổ chức ăn.....                                                                        | 69         |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.....                                                                   | 72         |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước .....                                                        | 75         |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội.....                                                       | 79         |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.....                                                                 | 80         |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường ..... | 83         |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ... 89                                      |            |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non .....                                                     | 89         |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ....                                        | 93         |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ .....                                                          | 96         |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục .....                                                                            | 100        |
| <b>PHẦN III. ĐÁNH GIÁ MỨC 4 .....</b>                                                                           | <b>104</b> |
| <b>PHẦN IV. KẾT LUẬN CHUNG .....</b>                                                                            | <b>105</b> |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>                 | <b>Ký hiệu viết tắt</b> |
|-----------|---------------------------------|-------------------------|
| 1         | Ban giám hiệu                   | BGH                     |
| 2         | Hội đồng nhân dân               | HĐND                    |
| 3         | Ủy ban nhân dân                 | UBND                    |
| 4         | Cán bộ, giáo viên, nhân viên    | CB, GV, NV              |
| 5         | Chất lượng giáo dục             | CLGD                    |
| 6         | Công nghệ thông tin             | CNTT                    |
| 7         | Cơ sở vật chất                  | CSVC                    |
| 8         | Đồ dùng, đồ chơi                | ĐDDC                    |
| 9         | Giáo dục và Đào tạo             | GD&ĐT                   |
| 10        | Giáo dục mầm non                | GDMN                    |
| 11        | Phụ huynh học sinh              | PHHS                    |
| 12        | Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh | TNCSHCM                 |
| 13        | Xã hội hóa giáo dục             | XHHGD                   |
| 14        | Ban chấp hành                   | BCH                     |
| 15        | Ban đại diện cha mẹ             | BĐDCM                   |
| 16        | Giáo viên chủ nhiệm             | GVCN                    |
| 17        | Mầm non                         | MN                      |
| 18        | Hợp đồng lao động               | HĐLĐ                    |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả      |       |       |       |
|-------------------------|--------------|-------|-------|-------|
|                         | Không<br>đạt | Đạt   |       |       |
|                         |              | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.1            |              |       |       |       |
| Tiêu chí 1.2            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.3            |              | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.4            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.5            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.6            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.7            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.8            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.9            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 10             |              | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.1            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.2            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.3            |              | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.1            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.2            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.3            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.4            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.5            |              | x     | x     |       |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả      |       |       |       |
|-------------------------|--------------|-------|-------|-------|
|                         | Không<br>đạt | Đạt   |       |       |
|                         |              | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 4.1            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 4.2            |              | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.1            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.2            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.3            |              | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.4            |              | x     | x     | x     |

**Kết quả: Đạt Mức 2**

## 1.2. Đánh giá theo Mức 4

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí      | Kết quả |           | Ghi chú |
|------------------------------|---------|-----------|---------|
|                              | Đạt     | Không đạt |         |
| Tiêu chí 1                   |         | x         |         |
| Tiêu chí 2                   |         | x         |         |
| Tiêu chí 3, khoản 3, điều 22 |         | x         |         |
| Tiêu chí 4 khoản 4, điều 22  |         | x         |         |
| Tiêu chí 5 khoản 5, điều 22  |         | x         |         |
| Tiêu chí 6 khoản 6, điều 22  |         | x         |         |

**Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non Nam Hùng,

Tên trước đây: Trường Mầm non bán công Nam Hùng

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Nam Trực

|                                                  |          |                              |                             |
|--------------------------------------------------|----------|------------------------------|-----------------------------|
| Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương            | Nam Định | Họ và tên Hiệu trưởng        | Nguyễn Thị Thúy             |
| Huyện/quận/ thị xã/ thành phố                    | Nam Trực | Điện thoại                   | 0943399468                  |
| Xã/ phường/ thị trấn                             | Nam Hùng | Fax                          |                             |
| Đạt CQG                                          | MĐ1      | Website                      | mnnamhung.pgdnamtruc.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) |          | Số điểm trường               | 02                          |
| Công lập                                         | X        | Loại hình khác               | Không                       |
| Tư thực                                          | Không    | Thuộc vùng khó khăn          | Không                       |
| Dân lập                                          | Không    | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không                       |
| Trường liên kết với nước ngoài                   | Không    |                              |                             |

### 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| <b>Số nhóm, lớp</b>              | <b>Năm học 2016-2017</b> | <b>Năm học 2017 - 2018</b> | <b>Năm học 2018 - 2019</b> | <b>Năm học 2019 - 2020</b> | <b>Năm học 2020 - 2021</b> | <b>Năm học 2021 - 2022</b> |
|----------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi  | 0                        | 0                          | 0                          | 0                          | 0                          | 0                          |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 1                        | 1                          | 1                          | 1                          | 1                          | 1                          |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 3                        | 3                          | 3                          | 2                          | 3                          | 3                          |
| Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi        | 3                        | 3                          | 4                          | 3                          | 4                          | 3                          |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi         | 4                        | 3                          | 3                          | 3                          | 3                          | 4                          |
| Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi       | 3                        | 4                          | 3                          | 3                          | 3                          | 3                          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>14</b>                | <b>14</b>                  | <b>14</b>                  | <b>12</b>                  | <b>14</b>                  | <b>14</b>                  |

### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT  | Số liệu                                    | Năm học<br>2016-<br>2017 | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| I   | Khối phòng<br>nhóm trẻ,<br>lớp mẫu<br>giáo | 14                       | 14                       | 14                       | 12                       | 14                       | 14                   |
| 1   | Phòng kiên<br>cố                           | 14                       | 14                       | 14                       | 12                       | 14                       | 14                   |
| 2   | Phòng bán<br>kiên cố                       | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |
| 3   | Phòng tạm                                  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |
| II  | Khối phòng<br>phục vụ học<br>tập           | 1                        | 1                        | 1                        | 1                        | 1                        | 1                    |
| 1   | Phòng kiên<br>cố                           | 1                        | 1                        | 1                        | 1                        | 1                        | 1                    |
| 2   | Phòng bán<br>kiên cố                       | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |
| 3   | Phòng tạm                                  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |
| III | Khối phòng<br>hành chính<br>quản trị       | 8                        | 8                        | 8                        | 8                        | 8                        | 8                    |
| 1   | Phòng kiên<br>cố                           | 8                        | 8                        | 8                        | 8                        | 8                        | 8                    |
| 2   | Phòng bán<br>kiên cố                       | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |
| 3   | Phòng tạm                                  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |
| IV  | Khối phòng<br>tổ chức ăn                   | 14                       | 14                       | 14                       | 12                       | 14                       | 14                   |
|     | <b>Cộng</b>                                | 37                       | 37                       | 37                       | 33                       | 37                       | 37                   |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|                 | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|---------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |         |    |         | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01      | 01 | Kinh    |                  |           | 01         |         |
| Phó Hiệu trưởng | 01      | 01 | Kinh    |                  |           | 01         |         |
| Giáo viên       | 24      | 24 | Kinh    | 06               | 09        | 09         |         |
| Nhân viên       | 06      | 04 | Kinh    | 05               |           | 01         |         |
| <b>Cộng</b>     | 32      | 30 |         | 11               | 09        | 12         |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu                                                             | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|----|---------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                                                   | 27                   | 27                   | 27                   | 26                   | 25                   | 24                   |
| 2  | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)                          | 12                   | 12,5                 | 10,3                 | 8,1                  | 14,2                 | 13,8                 |
| 3  | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
| 4  | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)     | 15,2                 | 15,2                 | 14,3                 | 16,5                 | 14,3                 | 16,5                 |
| 5  | Tổng số giáo viên                                                   | 6                    | 6                    | 6                    | 6                    | 6                    | 6                    |

| TT | Số liệu                                                          | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|----|------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|    | dạy giỏi cấp<br>huyện hoặc<br>tương<br>đương trở<br>lên (nếu có) |                      |                      |                      |                      |                      |                      |
| 6  | Tổng số<br>giáo viên<br>dạy giỏi cấp<br>tỉnh trở lên<br>(nếu có) | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
| 7  | Các số liệu<br>khác (nếu<br>có)                                  | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |

#### 4. Trẻ em: Số liệu chung

| TT | Số liệu                 | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|----|-------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng số trẻ<br>em       | 386                  | 389                  | 355                  | 328                  | 356                  | 331                  |
|    | - Nữ                    | 184                  | 179                  | 159                  | 160                  | 171                  | 155                  |
|    | - Dân tộc               | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
| 2  | Đối tượng<br>chính sách |                      | 40                   | 34                   | 34                   | 30                   | 39                   |
| 3  | Khuyết tật              | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
| 4  | Tuyển mới               | 114                  | 88                   | 90                   | 79                   | 83                   | 60                   |
| 5  | Học 2<br>buổi/ngày      | 386                  | 389                  | 355                  | 328                  | 356                  | 331                  |
| 6  | Bán trú                 | 379                  | 378                  | 337                  | 316                  | 356                  | 331                  |
| 7  | Tỷ lệ trẻ<br>em/lớp     | 29                   | 28,9                 | 27,2                 | 29,4                 | 27                   | 24,3                 |
| 8  | Tỷ lệ trẻ<br>em/nhóm    | 24                   | 25                   | 20,7                 | 22,3                 | 21,5                 | 14,5                 |

| TT | Số liệu                          | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|----|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|    | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |
|    | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 30                   | 25                   | 22                   | 18                   | 25                   | 7                    |
|    | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 66                   | 75                   | 61                   | 46                   | 61                   | 51                   |
|    | - Trẻ em từ 3-4 tuổi             | 92                   | 73                   | 87                   | 81                   | 85                   | 77                   |
|    | - Trẻ em từ 4-5 tuổi             | 113                  | 92                   | 81                   | 92                   | 85                   | 107                  |
|    | - Trẻ em từ 5-6 tuổi             | 85                   | 124                  | 104                  | 91                   | 100                  | 94                   |

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã Nam Hùng nằm ở vị trí trung tâm huyện Nam Trực; phía Tây giáp thị trấn Nam Giang - Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện; phía Đông giáp xã Nam Hồng và Nam Hoa; phía Bắc giáp xã Nam Cường và Hồng Quang; phía Nam giáp xã Nam Hoa và Bình Minh. Xã có diện tích đất tự nhiên 6 km<sup>2</sup>. Dân số (năm 2019) là 7.012 người, mật độ dân số bình quân 1.168 người/km<sup>2</sup>. Xã có 5 thôn (Cổ Gia, Cổ Tung, Thọ Tung, Điện An, Cầu Tranh) với 19 xóm.

Nhân dân xã Nam Hùng sống chủ yếu bằng nghề nông nhưng do đất đai màu mỡ, nhân dân cần cù lao động, giàu kinh nghiệm, thâm canh cây hoa màu nên sản xuất nông nghiệp tại địa phương cũng tương đối phát triển.

Tình hình chính trị ổn định, đời sống kinh tế phát triển mạnh, an ninh quốc phòng được giữ vững. Các cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng: điện, đường, trạm theo quy hoạch của xã

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân xã luôn phát huy truyền thống cách mạng của đơn vị anh hùng trong thời kỳ chống Pháp, thi đua lao động, xây dựng và phát triển trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn

hóa để xây dựng nông thôn mới nhờ đó phong trào giáo dục được quan tâm và có nhiều chuyển biến rõ nét.

Trong những năm qua Đảng bộ và nhân dân xã Nam Hùng đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học cơ bản đáp ứng yêu cầu sự nghiệp giáo dục hiện nay. Trên địa bàn xã có 3 trường học: 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS. Những năm gần đây các trường học trên địa bàn đều được UBND huyện Nam Trực đánh giá là đơn vị tiên tiến và tiên tiến xuất sắc, trường Tiểu học Nam Hùng đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, trường Xanh- Sạch- Đẹp-An toàn; trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trường Xanh- Sạch- Đẹp-An toàn; trường mầm non đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường Xanh- Sạch - Đẹp- An toàn cấp tỉnh.

Trường Mầm non Nam Hùng được hình thành và phát triển đến nay đã gần 50 năm. Ngay từ khi mới thành lập, trường có nhiều khu nhỏ lẻ nằm rải rác ở các thôn xóm, trường chưa ra trường, lớp chưa ra lớp. Song với sự đoàn kết, phấn đấu, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và sự tài trợ của gia đình bà Phạm Thị An đến tháng 9/2019 trường được quy hoạch tập trung về 2 khu (Gồm một khu trung tâm và một điểm lẻ Cổ Tung).

Hiện nay, trường Mầm non Nam Hùng có 14 nhóm, lớp khang trang với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ đáp ứng với yêu cầu giáo dục hiện nay. Trường có 32 cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tận tâm tận tụy với nghề, yêu nghề, mến trẻ. Trường có 6 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp huyện, 18 giáo viên đạt cấp trường và được các cấp tặng các danh hiệu thi đua và giấy khen. Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng chính quyền, các ban ngành đoàn thể, hội cha mẹ học sinh đã hỗ trợ và đầu tư kinh phí để xây dựng trường, đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 vào **tháng 8 năm 2020**.

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; trường Mầm non Nam Hùng đã xác định rõ mục đích của công tác kiểm định chất lượng giáo dục nhằm giúp trường mầm non xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt

động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Từ mục đích đó nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng tự đánh giá; Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; Viết báo cáo tự đánh giá và Công bố báo cáo tự đánh giá để toàn thể CB, GV, NV trong trường thấy rõ thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường theo yêu cầu đánh giá các tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã qui định. Trên cơ sở đó, nhà trường nêu ra kế hoạch và các giải pháp cải tiến để khắc phục những hạn chế yếu kém về các tiêu chí/từng tiêu chuẩn để nâng cao chất lượng các mặt hoạt động, lĩnh vực công tác của nhà trường ngày một tốt hơn.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng giáo dục, các thành viên trong trường đã chủ động tích cực tham gia kiểm định tự đánh giá một cách trung thực, khách quan. Trong quá trình làm việc nhiều vấn đề phức tạp đã nảy sinh như hệ thống số liệu lưu trữ về nhân sự, về chất lượng, về CSVC chưa thực sự đầy đủ; nhiều báo cáo, công văn có liên quan tới địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và cấp trên còn thiếu trong kho lưu trữ; nhiều công việc đã làm thực sự có hiệu quả nhưng hồ sơ lưu trữ lại ít được quan tâm; lượng thời gian dành cho công tác tự kiểm tra đánh giá không có nhiều. Tuy vậy, sau một thời gian nỗ lực cố gắng, các khó khăn trên đã từng bước được khắc phục.

Kiểm định chất lượng giáo dục là để đơn vị nhìn lại những gì mình đã làm được, những gì còn tồn tại so với quy định chuẩn để từ đó có định hướng khắc phục trong thời gian ngắn nhất. Đây cũng là một dịp đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, cán bộ công nhân viên cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan khoa học.

Nhà trường tiến hành tự đánh giá thực chất chất lượng giáo dục để xác định rõ trường học đạt cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng để cấp trên công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và giữ vững chất lượng để phấn đấu đi lên theo chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do đó, những điểm yếu đã dần được khắc phục, đến nay nhà trường đã đạt các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **I. Mở đầu:**

Trường Mầm non Nam Hùng đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 **tháng 7 năm 2010**, công nhận lại tháng 11 năm 2015; Đến tháng 8 năm 2020 trường được công nhận lại trường chuẩn quốc gia Mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng GD mức độ 2 và đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn. Năm học 2020 - 2021 nhà trường có 2 điểm trường với 14 nhóm lớp (nhà trẻ 4 nhóm, mẫu giáo 10 lớp). Nhà trường đã có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và điều kiện thực tế địa phương. Có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường được thành lập theo quyết định của Trường phòng Giáo dục và Đào tạo, thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường hoạt động tích cực, nề nếp sinh hoạt tốt, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Công tác quản lý các hoạt động trong nhà trường được tiến hành nề nếp, khoa học. Thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

#### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

##### **Mức 1**

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

##### **Mức 2**

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

##### **Mức 3**

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và

phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1

a) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến 2025, có mục tiêu giáo dục là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một (được quy định tại điều 23- Luật giáo dục), phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2020- 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nam Hùng; **Hướng dẫn số 253/PGDDĐT- GDMN ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Phòng GD&ĐT Nam Trực về việc hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2021 – 2022; Công văn số 13146/SGDDĐT-GDMN ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2021 – 2022** và điều kiện thực tế của nhà trường.

Duy trì ổn định về quy mô trường lớp, từng bước tu bổ môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục để duy trì giữ vững tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Mức độ 2, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn cấp tỉnh.

Duy trì bền vững và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Phần đầu 75% cán bộ, giáo viên được xếp loại khá, tốt trở lên theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp, 80% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn, 100% cán bộ, giáo viên và nhân viên sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng Hội đồng Sư phạm nhà trường đoàn kết, thân thiện.

Huy động 331 trẻ đến trường, lớp; trong đó nhà trẻ: 58/254 tỷ lệ 21,3% dân số độ tuổi, mẫu giáo 273/284, tỷ lệ 96,5% dân số độ tuổi, trong đó học sinh 5 tuổi 94/94, tỷ lệ 100% dân số độ tuổi. Duy trì, ổn định 14 nhóm, lớp (4 nhóm trẻ và 10 lớp mẫu giáo); 100% nhóm, lớp được học tách triệt để theo độ tuổi, số lượng học sinh/nhóm, lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng theo độ tuổi. Phần đầu chất lượng các lĩnh vực giáo dục đạt từ 95% đến 98%; tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân các độ tuổi 3,0%, suy dinh dưỡng thấp còi 3%; Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nằm trong tốp đầu toàn huyện.

Tích cực tham mưu với địa phương quan tâm quy hoạch mở rộng đất trường và đầu tư xây dựng đủ phòng học ở khu trung tâm để đón tập trung trẻ ở điểm lẻ về khu trung tâm, hoàn thiện quy hoạch sân vườn đảm bảo tiêu chí Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn; trồng thêm hệ thống cây xanh, cây ăn quả, hệ thống thảm cỏ đảm bảo đáp ứng tối thiểu 50% diện tích sân chơi.

Căn cứ vào mục tiêu của luật giáo dục 2005, nhà trường đã đề ra mục tiêu giáo dục giai đoạn 2020-2030 như sau:

- Xây dựng và phát triển đội ngũ

- + Năng lực chuyên môn của cán bộ, giáo viên phần đầu được kiểm định đánh giá đạt loại khá, tốt đạt 70% trở lên.

- + Nhà trường đã có Website riêng và phần đầu đến năm 2025 cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy vi tính.

- + 100% cán bộ quản lý có trình độ đại học và cao đẳng về chuyên môn GDMN và trình độ Trung cấp lý luận chính trị và quản lý nhà nước. Phần đầu đến hết năm 2023, có 53,8% giáo viên có trình độ Đại học,

- + Phần đầu trong suốt thời gian thực hiện chiến lược không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật, không để xảy ra tình trạng mất đoàn kết, khiếu kiện vượt cấp.

- Quản lý học sinh

- + Quy mô phát triển: duy trì 14 nhóm lớp; Số học sinh có từ 330 - 380 học sinh.

- + Chất lượng học sinh 5 tuổi đạt 100% theo quy định.

- + Chất lượng học sinh dưới 5 tuổi đạt từ 85-98% theo quy định.

- Xây dựng cơ sở vật chất

- + Huy động nguồn lực xã hội đóng góp, đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, tăng cường mua sắm thêm các trang thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động dạy học.

- + Xây dựng và bố trí các phòng học, phòng chức năng, các khu vui chơi giải trí, khu học tập, các công trình phụ trợ, đáp ứng đủ các yêu cầu hoạt động dạy và học. Phần đầu giữ vững chất lượng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2, Chuẩn quốc gia Mức độ 1, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

- + Đến năm 2030 có nhà đa năng phục vụ cho các hoạt động tập thể.

b) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nam Trực phê duyệt ngày 15/9/2020. Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường được đưa vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của từng năm. [H1-1.1-02].

c) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường, được niêm yết công khai từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/10/2020 theo Quyết định số 22/QĐ-TrMN ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Mầm non Nam Hùng về việc niêm yết công khai phương hướng, chiến lược phát triển trường Mầm non Nam Hùng giai đoạn 2020 – 2025, có biên bản niêm yết và biên bản kết thúc niêm yết theo quy định. Sau 30 ngày công khai, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường đều nhất trí cao với mục tiêu trong phương hướng, chiến lược. [H1-1.1-03].

## **Mức 2**

Nhà trường luôn kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường như: Hội đồng trường, Công đoàn, Thanh tra nhân dân, các tổ chuyên môn, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường. Năm học 2021-2022, các tổ chức giám sát của nhà trường thực hiện giám sát việc thực hiện các mục tiêu về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; việc xây dựng phòng học, cải tạo cảnh quan môi trường, bổ sung các thiết bị phòng học, phòng chức năng, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên và kết quả học tập của học sinh. Còn một số nhiệm vụ trong phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường như: Tu bổ các hạng mục trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; nâng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp, hoàn thiện một số phòng chức năng theo tiêu chuẩn kiểm định cấp độ 3 sẽ tiếp tục hoàn thiện trong các năm tiếp theo. Chiến lược phát triển của nhà trường trong các năm học được nhà trường xây dựng và đưa vào báo cáo tổng kết năm học của năm học liền trước đó. [H1-1.1-04]

## **Mức 3**

Ngay từ đầu năm học 2021 - 2022, nhà trường tổ chức họp Hội đồng trường; đồng thời rà soát, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung như: xây dựng trường chuẩn quốc gia; trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng (07 thành viên), cán bộ quản lý, giáo viên,

nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Trên cơ sở đóng góp ý kiến, nhà trường đã bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế.[H1-1.1-05]

## 2. Điểm mạnh

Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 23, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng Ủy, HĐND xã Nam Hùng giai đoạn 2020 - 2025; nhà trường có đầy đủ các nguồn lực phù hợp về đội ngũ, cơ sở vật chất, nhận thức đúng đắn của tập thể sư phạm, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng, vị thế trở thành trường điển hình về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục toàn diện nằm trong tốp đầu của huyện.

Chiến lược của nhà trường được công khai theo đúng quy định và đã nhận những đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường một cách tích cực, từ đó giúp cho việc thực hiện được công khai minh bạch, đem lại hiệu quả và khả thi.

Việc định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời là một trong những yếu tố then chốt, quyết định sự thành công của chiến lược, đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với thực tế của trường, của địa phương.

## 3. Điểm yếu

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

Một số nội dung trong chiến lược tuy đã có sự điều chỉnh song nguồn lực về kinh phí đầu tư cho giáo dục của địa phương còn hạn chế, trình độ của đội ngũ còn hạn chế dẫn đến việc hoàn thành chưa đảm bảo đúng tiến độ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                  | <b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b>                                 | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Thông báo chiến lược phát triển trên trang Web của ngành Giáo dục và Đào tạo, trong các cuộc họp cha mẹ trẻ toàn | BGH, Hội đồng trường, GV, Ban văn hóa-                  | Hệ thống máy tính kết nối internet, cán bộ quản lý, giáo viên | Trong năm học 2020 - 2021.                | 2.000.000 đ             |

|                                                                                                                                               |                                                              |                         |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|--|--|
| trường;<br>Thông báo chiến lược phát triển trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương;<br>Công bố chiến lược phát triển trên trang Websie; | thông tin của xã, chuyên viên phụ trách CNTT của Phòng GD&ĐT | sử dụng thành thạo CNTT |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|--|--|

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2      |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo          | Đạt/ Không đạt |
| a          | Đạt            | *          | Đạt            | *                | Không đạt      |
| <b>b</b>   | <b>Đạt</b>     | -----      |                | -----            |                |
| <b>c</b>   | <b>Đạt</b>     | -----      |                | -----            |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b> |                | <b>Không đạt</b> |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.**

#### Mức 1

- a) Được thành lập theo qui định;
- b) Thực hiện các chức năng nhiệm vụ, và quyền hạn theo qui định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát.

#### Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### Mức 1

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 155/QĐ-PGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Nam Trực, gồm 07 thành viên, do đồng chí Nguyễn Thị Thúy - Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng, đồng chí Bùi Thị Thanh Huyền – Phó Hiệu trưởng nhà trường làm Phó chủ tịch Hội đồng, đồng chí Nguyễn Thị Ánh là thư kí Hội đồng, các thành viên bao gồm: Kế toán, Bí thư đoàn thanh niên, tổ trưởng

chuyên môn các khối nhà trẻ, mẫu giáo. Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-TrMN ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Mầm non Nam Hùng, do đồng chí Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng. Các thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Giáo viên. Hàng năm nhà trường thành lập Hội đồng khác như: Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 05/QĐ-TrMN ngày 10 tháng 9 năm 2021. Ngoài ra Hiệu trưởng quyết định thành lập một số hội đồng khác tùy theo nhiệm vụ cụ thể của từng năm học. [H1-1.1.2-01].

b) Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. [H1-1.1.2-02]

Hội đồng trường có chức năng quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

Hội đồng trường quyết nghị về phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học, về chiến lược phát triển .....và tầm nhìn đến năm 2030. Quyết nghị, sửa đổi các quy chế như: quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử có văn hóa trong nhà trường. Giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng Thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ trong nhà trường vào cuối mỗi năm học, hoặc khi cần thiết.[H1-1.1.2-03]

Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm có nhiệm vụ tư vấn giúp đỡ các thành viên trong nhà trường khi viết sáng kiến kinh nghiệm và chăm, đánh giá xếp loại các sáng kiến kinh nghiệm cấp trường.

Các hội đồng khác thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định theo quyết định của Hiệu trưởng. [H1-1.2-04].

c) Hội đồng trường và các hội đồng khác họp ít nhất 2 lần/ năm. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm

học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. [H1-1.2-03].

## **Mức 2**

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động hiệu quả: giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch và có đánh giá nhận xét theo từng kì, do đó chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ luôn đạt kết quả cao; 100% cán bộ, giáo viên của nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, kết quả theo dõi đánh giá trẻ các lĩnh vực đạt từ 85% đến 98%, 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN chuyển lên Tiểu học. Năm học 2020 - 2021, trường được danh hiệu cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh tặng, nhiều đồng chí cán bộ giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và Giấy khen của các cấp.

Hội đồng Thi đua khen thưởng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: đã phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và đề nghị nhà trường khen thưởng các tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học và kết thúc mỗi đợt phát động phong trào thi đua. Chính vì vậy chất lượng đội ngũ, chất lượng các cuộc giáo lưu, các hội thi và kết quả học tập của học sinh được nâng lên rõ rệt.

Hội đồng tư vấn gồm 5 thành viên do đồng chí Hiệu trưởng nhà trường thành lập, thực hiện nhiệm vụ tư vấn giúp đồng chí Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học, tư vấn về sức khỏe, giới tính cho các bậc cha mẹ của trẻ, tham mưu xây dựng cơ sở vật chất, vận động tài trợ, tư vấn cách rèn kỹ sống cho trẻ...Hoạt động tư vấn hàng năm có tác dụng thúc đẩy các hoạt động của nhà trường một cách thiết thực hiệu quả.

Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm đã giúp nhà trường phát động phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, lựa chọn những sáng kiến kinh nghiệm tiêu biểu, điển hình dự thi cấp huyện. Trong các năm học 2019- 2020, 2020-2021, 2021-2022 đã có 6 sáng kiến của đ/c Nguyễn Thị Thúy, Vũ Thị Hợp, Ngô Thị Tươi, Phạm Thị Hiền, Tô Thị Liên, Nguyễn Thị Hay được Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp loại tốt.

Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của các Hội đồng được đánh giá, nhận xét trong báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường hàng năm.[H1-1.2-04]

## 2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác có đầy đủ cơ cấu theo Điều lệ trường mầm non, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định đã xây dựng được những chuyên đề giúp chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng tiến bộ, cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên, được cha mẹ trẻ và nhân dân địa phương tin tưởng.

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã đánh giá, rà soát việc thực hiện các hoạt động một cách thường xuyên giúp nhà trường rút kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong từng năm học.

## 3. Điểm yếu

Do năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, giáo viên, nhân viên hạn chế dẫn đến số lượng, chất lượng sáng kiến kinh nghiệm tham gia dự thi các cấp còn ít, chưa có sáng kiến kinh nghiệm dự thi cấp tỉnh.

Năng lực của đội ngũ tư vấn còn ở mức độ, chế độ động viên khen thưởng còn hạn chế, kinh phí thời gian của nhà trường dành cho hoạt động này chưa nhiều.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>        | <b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b>                                 | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b>       |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
| Tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ viết sáng kiến kinh nghiệm | BGH, TTCM                                             | Thời gian:<br>Từ 4/2021 đến 4/2022<br>kinh phí:<br>5.000.000đ | Thực hiện trong các năm học 2021- 2022    | Kinh phí thực hiện 5,000,000đ |
| Có chế độ khen thưởng động viên kịp thời               | PGD, Nhà trường, Công đoàn                            | Kinh phí:<br>3.000.000đ                                       | Thực hiện trong các năm học 2021- 2022    | 3,000,000đ                    |

**5. Tự đánh giá:**

| Mức 1      |                   | Mức 2      |                   | Mức 3            |                   |
|------------|-------------------|------------|-------------------|------------------|-------------------|
| Chỉ báo    | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo    | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo          | Đạt/<br>Không đạt |
| a          | Đạt               | *          | Đạt               | -----            | Không đạt         |
| <b>b</b>   | <b>Đạt</b>        | -----      |                   | -----            |                   |
| <b>c</b>   | <b>Đạt</b>        | -----      |                   | -----            |                   |
| <b>Đạt</b> |                   | <b>Đạt</b> |                   | <b>Không đạt</b> |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.**

**Mức 1**

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

**Mức 2**

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

**Mức 3**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1**

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quyết định số 29/QĐ-ĐU ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Đảng ủy xã Nam Hùng Quyết định chuẩn y đồng chí Bí thư, Phó bí thư chi bộ trường mầm non nhiệm kỳ 2020- 2025. Năm học 2021-2022, Chi bộ có 13 đảng viên, Ban chi ủy gồm: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư. Bí thư là đồng chí Nguyễn Thị Thúy – Hiệu trưởng nhà trường. Phó Bí thư là đồng chí Phạm Thị Hiền. [H1-1.3-01].

Công đoàn trường có 32 công đoàn viên. Ban chấp hành Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Nam Trực công nhận theo quyết định số 90/QĐ-LĐLĐ ngày 6/11/2017 Quyết định công nhận Ban chấp hành và các chức danh trong Ban chấp hành Công đoàn trường Mầm non Nam Hùng, nhiệm kỳ 2017- 2022 gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 01 Ủy viên; Chủ tịch công đoàn là đồng chí Vũ Thị Hợp, đã giữ chức vụ Chủ tịch công đoàn được 4 năm.

Chi đoàn thanh niên có 12 đoàn viên. Ban chấp hành Đoàn TNCSHCM gồm 01 Bí thư là đồng chí Nguyễn Thị Hay, 01 Phó bí thư là đồng chí Ngô Thị Tươi theo Quyết định số 02/QĐ-ĐTN ngày 30/3/2017 Quyết định công nhận BCH chi đoàn trường Mầm non Nam Hùng nhiệm kỳ 2017- 2020. Đồng chí bí thư giữ chức vụ Bí thư được 7 năm, phó bí thư chi đoàn giữ chức vụ phó bí thư được 5 năm.

b) Chi bộ đã họp xây dựng quy chế, phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên. Chi bộ đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng tháng. Chi bộ sinh hoạt 1 lần/ tháng sau mỗi phiên họp có nghị quyết của chi bộ, có sinh hoạt theo một số chuyên đề. [H1-1.3-02]

Năm học 2021 - 2022, chi bộ xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ toàn diện; rà soát, tham mưu bổ sung các tiêu chí về cơ sở vật chất duy trì chất lượng trường đạt kiểm định chất lượng Mức độ 2 và Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Năm học 2021 – 2022 công đoàn nhà trường tổ chức họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kì và từng năm học. Năm học 2021 - 2022, công đoàn xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; rà soát, tham mưu bổ sung các tiêu chí về

cơ sở vật chất duy trì chất lượng trường đạt kiểm định chất lượng Mức độ 2 và trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. [H1-1.3-02]

Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, phối hợp với Công đoàn nhà trường để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường.[H1-1.3-02]

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.[H1-1.3-02].

c) Chi bộ đã chỉ đạo, giám sát và gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện công tác tư tưởng chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Chi bộ ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên, có kiểm tra thẻ đảng tại chi bộ, có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ khoa học. Cuối mỗi năm tự nhiên chi bộ tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đảng viên, bổ sung lí lịch đảng viên. Hằng năm, chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ các quần chúng ưu tú và cử đi học lớp bồi dưỡng đối tượng đảng. Tài chính của chi bộ được thu chi một cách công khai minh bạch.

Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương đường lối của đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên.

Chi đoàn thanh niên cộng sản HCM là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu và đi đầu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn và phong trào văn hóa văn nghệ; theo dõi, bồi dưỡng cho những đoàn viên ưu tú kết nạp vào đảng.

Hàng năm, các tổ chức này có kế hoạch hoạt động và được sơ kết, tổng kết vào cuối kì 1 và cuối năm học để đánh giá kết quả các hoạt động, đồng thời đề ra phương hướng để lãnh đạo, chỉ đạo giai đoạn tiếp theo đạt kết quả tốt.[H1-1.3-02].

## Mức 2

a) Từ năm 2017 đến năm 2021 chi bộ đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ được Đảng ủy xã Nam Hùng tặng giấy khen tại **Quyết định số 14/QĐ-ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2020 là chi bộ tiêu biểu của Đảng ủy xã Nam Hùng.**

b) Công đoàn nhà trường, Đoàn thanh niên có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức. Trong năm

học 2021- 2022, công đoàn đạt danh hiệu "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm học 2020 - 2021" theo Quyết định số 170/QĐ-LĐLĐ ngày 19/7/2021 của Liên đoàn lao động huyện Nam Trực.

### **Mức 3**

a) Từ năm 2017 đến năm 2021 chi bộ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Được tặng giấy khen tại Quyết định số 13/QĐ-ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định số 14/QĐ-ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2020 là chi bộ tiêu biểu của Đảng ủy xã Nam Hùng

b) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường đã xây dựng tập thể nhà trường đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; các quy định của ngành, của địa phương; có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trong mọi công việc được nhân dân tín nhiệm. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng khang trang; trẻ khỏe mạnh, phát triển cân đối, hài hòa, đảm bảo kết quả mong đợi phù hợp với độ tuổi theo Chương trình GDMN hiện hành.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Cơ cấu tổ chức các đoàn thể trong nhà trường đảm bảo theo đúng Điều lệ của từng tổ chức. Giúp cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường được thuận lợi.

Dưới sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ xã Nam Hùng, chi bộ Đảng nhà trường liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”. Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong nhà trường.

Công đoàn trường, Đoàn thanh niên hoạt động tích cực, đạt hiệu quả cao trong các phong trào thi đua, tham gia sôi nổi các phong trào của nhà trường cũng như của địa phương.

### **3. Điểm yếu**

Kinh phí hoạt động của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên còn hạn chế.

Ban chấp hành công đoàn chưa tổ chức được một số hoạt động nổi bật, sáng tạo.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                              | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>(chủ trì/phối hợp/giám sát) | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Xây dựng kế hoạch các hoạt động cụ thể, khả thi                                                              | BCH công đoàn, BGH                                       |                               | Trong các năm học 2021 - 2022             |                         |
| Sắp xếp thời gian hợp lý để tổ chức                                                                          | BCH công đoàn, BGH                                       |                               | Trong các năm học 2021 - 2022             |                         |
| Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường để chăm lo đời sống cho Công đoàn viên | BCH công đoàn, BGH                                       |                               | Trong các năm học 2021- 2022              | 20 triệu đồng.          |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                | <b>Mức 2</b> |                | <b>Mức 3</b> |                |
|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|
| Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt |
| a            | Đạt            | a            | Đạt            | a            | Đạt            |
| b            | Đạt            | b            | Đạt            | b            | Đạt            |
| c            | Đạt            | .....        |                | .....        |                |
| Đạt          |                | Đạt          |                | Đạt          |                |

Kết quả: Đạt Mức 3

### Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

#### Mức 1

- Có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo quy định.
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

#### Mức 2

a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một lần chuyên đề, chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

### **Mức 3**

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Trường Mầm non Nam Hùng có Ban giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng: Đồng chí Nguyễn Thị Thúy

+ Ngày tháng năm sinh: 22/01/1972

+ Đã được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2015 của UBND huyện Nam Trực, thời gian làm Hiệu trưởng tại trường mầm non xã Nam Hùng là 5 năm. [H1-1.4-01]

- Phó Hiệu trưởng: Bùi Thị Thanh Huyền

+ Ngày tháng năm sinh: 26/01/1974

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND huyện Nam Trực, thời gian làm quản lý tại trường mầm non xã Nam Hùng là 5 năm 4 tháng. [H1-1.4-01]

b) Trường có 04 tổ chuyên môn và tổ văn phòng, gồm: Tổ nhà trẻ; Tổ mẫu giáo; Tổ nuôi dưỡng và tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập vào đầu mỗi năm học theo quy định tại Điều 14 - Điều lệ trường mầm non do đồng chí Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập.[H1-1.4-02].

c) Các tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14- Điều lệ trường mầm non; tổ văn phòng thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Điều 15 - Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn hoạt động có hiệu quả và sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. [H1- 1.4- 03]

#### **Mức 2**

a) Hàng năm, tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường để xây dựng đề xuất một số chuyên đề chuyên môn bám sát các chuyên đề trọng tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, đã thực hiện có hiệu quả chuyên đề: Xây dựng môi trường giáo dục ngoài lớp học lấy trẻ làm trung tâm và các tiêu chí xây dựng trường mầm non đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; xây dựng và khai thác hiệu quả góc thư viện thân thiện tại nhóm, lớp; quản lý, sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học. [H1- 1.4- 04]

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng cuối học kỳ và cuối mỗi năm học tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá và rà soát, điều chỉnh các hoạt động của tổ. [H1- 1.4- 05]

### **Mức 3**

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng triển khai thực hiện các hoạt động hàng tuần, hàng tháng theo kế hoạch, giúp cho các hoạt động của nhà trường thực hiện có nền nếp và hoàn thành một số chỉ tiêu đề ra. Hai tổ chuyên môn có Giấy khen của UBND huyện trong nhiều năm. [H1- 1.4- 06]

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề giúp cho chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ các khối lớp được nâng lên nhất là về chuyên đề quản lý và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, một số chuyên đề bước đầu hiệu quả: xây dựng và khai thác góc thư viện thân thiện tại nhóm, lớp; xây dựng môi trường ngoài lớp học lấy trẻ làm trung tâm. [H1- 1.4- 06]

### **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các thành viên trong tổ chuyên môn hoạt động đúng theo yêu cầu quy định và có trình độ chuyên môn

Nhiệm vụ tốt, luôn yêu nghề mến trẻ; có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được phân công góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình GDMN;

Tổ chuyên môn đã chủ động đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo đúng kế hoạch, có nền nếp góp phần hoàn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Đồng chí kế toán, văn phòng là giáo viên làm công tác kiêm nhiệm do đó hiệu quả công tác quản lý tài chính, văn phòng chưa đạt hiệu quả cao.

Nội dung các buổi sinh hoạt chuyên môn chưa đa dạng phong phú, thời gian dành cho tổ chuyên môn sinh hoạt còn ít, một số thành viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến cho đồng nghiệp nên chất lượng buổi sinh hoạt còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                          | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>(chủ trì/phối hợp/giám sát) | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Tham mưu với các cấp lãnh đạo để bổ sung thêm giáo viên, nhân viên       | BGH                                                      |                               | Năm học 2021 - 2022                       |                         |
| Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên                  | Trường MN                                                | Có lớp tập huấn (Hội nghị)    | Năm học 2021 - 2022                       | 10 triệu đồng           |
| Xây dựng hoạt động sinh hoạt chuyên môn định hướng                       | BGH                                                      | Lớp tập huấn                  | Năm học 2021-2022                         | 5 triệu đồng            |
| Sắp xếp thời gian hợp lý đảm bảo lịch sinh hoạt chuyên môn theo quy định | BGH                                                      |                               | Năm học 2021- 2022                        | 5 triệu đồng            |

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3     |                |
|---------|----------------|---------|----------------|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | a       | Đạt            | a         | Không đạt      |
| b       | Đạt            | b       | Đạt            | b         | Không đạt      |
| c       | Đạt            | .....   |                | .....     |                |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Không đạt |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

### **Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

#### **Mức 1**

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

#### **Mức 2**

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

#### **Mức 3**

Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Năm học 2021 - 2022, trường có 14 nhóm lớp trong đó có 3 nhóm trẻ 24 - 36 tháng, 1 nhóm trẻ 12 - 24 tháng và 10 lớp mẫu giáo. Các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân tách triệt để theo độ tuổi, trong đó có: 03 lớp 5- 6 tuổi; 04 lớp 4- 5 tuổi; 03 lớp 3- 4 tuổi; 02 nhóm nhà trẻ 24- 36 tháng tuổi, 1 nhóm trẻ 12 - 24 tháng. [ H1-1.5- 01]

b) 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong trường được tổ chức học 2 buổi/ngày, được tổ chức nuôi ăn bán trú tại trường theo quy định. [H1-1.5-01]

c) Trường có 14 nhóm lớp, trong đó không có trẻ khuyết tật. [H1-1.5-01]

#### **Mức 2**

Trường huy động 331 trẻ đến trường, lớp;

- Nhà trẻ 58/254 trẻ; đạt tỷ lệ 21,3% dân số độ tuổi. Trong đó học tại trường 54 trẻ, đi học trái tuyến 4 trẻ, đến học trái tuyến 0 trẻ, học sinh đang học tại trường 54 trẻ bình quân 22,3 trẻ/nhóm;

- Mẫu giáo 273/284 trẻ; đạt tỷ lệ 96,5% dân số độ tuổi (Do 1 trẻ khuyết tật bại não). Trong đó:

+ Mẫu giáo 3- 4 tuổi có 3 lớp, huy động 73/84 trẻ, trong đó: Trẻ diện phổ cập học tại xã 69 trẻ, đi học trái tuyến 4 trẻ, đến học trái tuyến 1 trẻ, học sinh đang học tại trường 70 trẻ, bình quân 23,3 trẻ/lớp;

+ Mẫu giáo 4- 5 tuổi có 4 lớp huy động 102/103 trẻ, trong đó trẻ diện phổ cập học tại xã 97 trẻ, đi học trái tuyến 5 trẻ, đến học trái tuyến 2 trẻ, học sinh đang học tại trường 99 trẻ; bình quân 24,8 trẻ/lớp

+ Mẫu giáo 5-6 tuổi có 3 lớp huy động 94/94 trẻ, trong đó học tại xã 86 trẻ, đi học trái tuyến 8 trẻ, đến học trái tuyến 7 trẻ, học sinh học tại trường 93 trẻ; bình quân 31 trẻ/lớp. [H1-1.5-02]

### Mức 3

Từ năm học 2017 - 2018 đến năm 2021 - 2022, trường đều có từ 12 đến 14 nhóm, lớp. [H1-1.5-03]

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học cho các nhóm, lớp từ lớp theo số lượng trẻ huy động đến trường, phân chia nhóm, lớp theo đúng độ tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đến trường vượt mức bình quân chung toàn huyện (mẫu giáo: 100%, trẻ 5 tuổi huy động 100% diện phổ cập ra lớp); tỷ lệ nuôi ăn bán trú đảm bảo yêu cầu chung của huyện (95%).

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ mẫu giáo đạt trên 95% - 98% nhà trẻ đạt trên 85%- 90% trở lên.

Phòng học, phòng chức năng được xây dựng khang trang, sạch sẽ, thoáng mát; diện tích sân chơi bảo đảm quy định, có nhiều chủng loại đồ chơi ngoài trời và thiết bị, đồ chơi theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Điều lệ Trường mầm non đảm bảo phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

### 3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp còn hạn chế.

Công tác huy động trẻ chưa tập trung vào đầu năm học mà còn rải rác vào các tháng trong suốt năm học nên số trẻ/ nhóm trẻ đầu năm học còn thấp.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện<br>(chủ trì/<br>phối hợp/ | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn | Dự kiến kinh phí |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------|
|------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------|

|                                                                                       | <i>giám sát)</i> |                               | <b>thành</b>                                 |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|----------------------------------------------|---------------|
| Tập trung tuyên truyền nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp ngay từ đầu năm học | BGH, giáo viên   | Tài liệu tuyên truyền về GDMN | Từ đầu năm học đến cuối học kì 1 các năm học |               |
| Đầu tư trang, thiết bị, đồ chơi hiện đại cho nhóm trẻ                                 | BGH, phụ huynh   |                               | Năm học 2021-2022                            | 50 triệu đồng |
| Tuyên dương, khen thưởng giáo viên trong công tác huy động                            | BGH              |                               | Năm học 2020-2021                            | 3 triệu đồng  |

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3     |                |
|---------|----------------|---------|----------------|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            |         | Đạt            | .....     |                |
| b       | Đạt            | .....   |                |           |                |
| c       | Đạt            | .....   |                |           |                |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Không đạt |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

#### Mức 1

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

**Mức 2**

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

**Mức 3**

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1**

a) Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phụ vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 25 - Điều lệ trường mầm non, gồm:

\* Đối với nhà trường

- Hồ sơ quản lý trẻ em.
- Hồ sơ quản lý nhân sự.
- Hồ sơ quản lý chuyên môn.
- Sổ lưu trữ các văn bản, công văn.
- Hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài chính
- Hồ sơ quản lý bán trú.

\* Đối với giáo viên.

- Sổ kế hoạch giáo dục trẻ em.
- Sổ theo dõi: Sổ điểm danh, khám sức khỏe, theo dõi đánh giá trẻ.
- Sổ chuyên môn: Dự giờ, tham quan học tập, ghi chép các nội dung sinh hoạt.

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định tại Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H1-1.6-01]

b) Hàng năm, nhà trường lập dự toán thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định và theo điều kiện thực tế của nhà trường. Nhà trường kiểm tra tài chính 2 lần/ năm vào cuối tháng 5 và cuối tháng 12 hằng năm. Định kì, nhà trường công khai tài chính, tài sản theo Thông tư 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tại hội nghị Cán bộ - Công chức - Viên chức hàng năm nhà trường đã thảo luận, thống nhất để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Vào tháng 01 hàng năm nhà trường có bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.[H1-1.6-02]

c) Tài chính, tài sản của nhà trường được quản lý và sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.[H1-1.6-03]

## **Mức 2**

a) Nhà trường đã sử dụng một số phần mềm để quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Cổng thông tin điện tử, Phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý trường học, ...[H1-1.6-04]

b) Nhà trường được kiểm tra hành chính, tài sản, tài chính định kì theo kế hoạch của cấp trên. Trong 05 năm gần đây không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra.

## **Mức 3**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.[H1-1.6-06]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Mầm non.

Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng một cách có hiệu quả, đúng mục đích, công khai minh bạch.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý hành chính, tài sản tài chính.

## **3. Điểm yếu**

Việc lưu trữ hồ sơ, chưa thật đảm bảo theo yêu cầu và quy định của Luật lưu trữ và các quy định khác của pháp luật.

Nhà trường chưa có nhân viên kế toán chuyên trách, do đó việc quản lý tài chính, tài sản còn nhiều hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                 | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> ) | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Nghiên cứu các văn bản về luật lưu trữ                          | NV, CB, GV                                                          | Các văn bản                   | Thường xuyên                              |                         |
| Tập huấn cho nhân viên phụ trách lưu trữ hồ sơ.                 | PGD                                                                 | Đăng kí dự các lớp tập huấn   | Trong các năm học                         | 3 triệu đồng            |
| Phối kết hợp mọi thành viên trường trong việc lưu trữ hồ sơ     | BGH, NV                                                             | BGH, CB, GV                   | Thường xuyên                              |                         |
| Tham mưu với cơ quan quản lý các cấp bổ sung nhân viên Kế toán. | UBND huyện, Phòng GD&ĐT                                             |                               | Trong các năm học                         |                         |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3     |                |
|---------|----------------|---------|----------------|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | a       | Đạt            |           | Không đạt      |
| b       | Đạt            | b       | Đạt            |           |                |
| c       | Đạt            |         |                |           |                |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Không đạt |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

#### Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

##### Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

## **Mức 2**

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a). Hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như tham gia các lớp: Bồi dưỡng lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên.[H1-1.7-01]

b) Nhà trường phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng cán bộ giáo viên và nhân viên theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

100% thành viên của nhà trường làm việc theo đúng sự phân công, đúng chuyên môn đạt hiệu quả cao.[H1-1.7-02]

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các nhiệm vụ chuyên môn theo sự phân công của Hiệu trưởng; được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.[H1-1.7-03]

#### **Mức 2**

Nhà trường đã phát động các phong trào thi đua, xây dựng các quy chế, khen thưởng kịp thời và tạo điều kiện để đội ngũ được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.[H1-1.7-04]

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn.

Mọi thành viên được phát huy quyền dân chủ và đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

### 3. Điểm yếu

Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế.

Một số giáo viên được phân công nhiệm vụ nhưng chưa phát huy hết khả năng của mình trong công việc được giao.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                       | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Huy động các nguồn lực                                                                | BGH, CĐ                                                             |                               | Các năm học                               |                         |
| Cân đối thu chi trong các năm học                                                     | BGH                                                                 |                               | Các năm học                               |                         |
| Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng. | BGH                                                                 |                               | Các năm học                               | 3,000,000đ              |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                | <b>Mức 2</b> |                | <b>Mức 3</b> |                |
|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|
| Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt |
| a            | Đạt            | -----        | Đạt            | -----        | Không đạt      |
| b            | Đạt            | -----        |                | -----        |                |
| c            | Đạt            | -----        |                | -----        |                |
| Đạt          |                | Đạt          |                | Không đạt    |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

#### Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

## **Mức 2**

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

### **1. Mô tả thực trạng**

#### **Mức 1**

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học để thực hiện các nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đúng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương.[H1-1.8-01]

b) Mọi hoạt động của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch và đạt các chỉ tiêu đề ra.[H1-1.8-02]

c) Hàng tháng, hàng kì, hàng năm nhà trường đã đã rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch để phát huy những mặt mạnh và có những giải pháp để khắc phục những hạn chế.[H1-1.8-03]

#### **Mức 2**

Nhà trường luôn có biện pháp giúp giáo viên phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục như: Kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện giáo viên theo kế hoạch; Tuyên truyền để nâng cao nhận thức và đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên; phân công chuyên môn phù hợp với năng lực, trình độ; thường xuyên kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch kiểm tra nội bộ; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp đối với giáo viên yếu, đồng viên khuyến khích để nâng cao tính tự giác, tính sáng tạo, thói quen tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên, nhân viên.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

### 3. Điểm yếu

Chưa huy động sự tham gia vào cuộc tích cực từ phụ huynh trong việc quản lý hoạt động nuôi dưỡng tại nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện                                                                    | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Xây kế hoạch tổ chức từng hoạt động một cách cụ thể, chi tiết                                               | BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN                          |                        | Trong các năm học                  |                  |
| Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, thành lập ban quản lý hoạt động giáo dục có thành phần là phụ huynh học sinh | BGH, Ban đại diện CMHS                           |                        | Trong các năm học                  |                  |
| Sau mỗi hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm                                                                 | BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN                          |                        | Trong các năm học                  |                  |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               |         | Đạt               | -----     |                   |
| b       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| c       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

**Mức 1**

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp kiến nghị xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

## **Mức 2**

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hằng năm, trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử văn hóa theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. [H1-1.9-01]

b) Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. [H1-1.9-02]

c) Hằng năm, nhà trường có báo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. [H1-1.9-03]

#### **Mức 2**

Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường gồm các thành viên thuộc cấp ủy chi bộ, BGH, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn và tổ trưởng chuyên môn.

Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường thường xuyên giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của các thành viên trong nhà trường.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các quy chế công khai, dân chủ.

Đội ngũ CB, GV, NV đã nghiêm túc thực hiện các hoạt động theo các quy chế đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ.

### 3. Điểm yếu

Một số cán bộ, giáo viên đôi lúc còn chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến xây dựng một số hoạt động của nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                   | <b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở                                        | BGH,<br>BCH CĐ,<br>GV, NV                               |                               | Trong các năm học                         |                         |
| Giúp mỗi thành viên nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến | BGH,<br>BCH CĐ                                          |                               | Trong các năm học                         |                         |
| Tạo cơ hội để mọi người được bày tỏ ý kiến                                        | BGH,<br>BCH CĐ                                          |                               | Trong các năm học                         |                         |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               |         | Đạt               | -----     | Không đạt         |
| b       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| c       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

#### Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

##### Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ

nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

## **Mức 2**

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

## **1. Mô tả thực trạng**

### **Mức 1**

a) Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 46/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về “Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN”; Nghị định 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ Tướng chính Phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, phòng chống bạo lực học đường, Chỉ thị 505/CT-BGDĐT ngày 20/2/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho trẻ trong các cơ sở giáo dục, hàng năm nhà trường đều có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm và các tệ nạn xã hội, bám sát tinh thần chỉ đạo của các cấp. Bếp ăn của trường được ngành Y tế huyện cấp giấy chứng nhận đảm bảo VSATTP.

Trong nhiều năm qua nhà trường đều bảo đảm an toàn tuyệt đối về sức khỏe, tinh thần cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong

trường. Xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh, không có biểu hiện xúc phạm, hành hạ, ngược đãi, đánh đập hay xâm hại thân thể, sức khỏe... đối với tất cả mọi trẻ em trong nhà trường.[H1-1.10-01].

Hằng năm, trường được UBND huyện Nam Trực cấp Giấy chứng nhận trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.[H1-1.10-02]

c) Mọi cán bộ, giáo viên và học sinh trong trường đều được đối xử công bằng, không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính bạo lực trong nhà trường.[H1-1.10-03]

## **Mức 2**

a) Kế hoạch được triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường và được thực hiện có hiệu quả. Tuyên truyền và vận động giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh cách phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tai, tệ nạn xã hội trong nhà trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự.

Có các biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường như: Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên trong công tác phòng chống thiên tai, bệnh dịch, phòng tránh các tệ nạn xã hội để tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác; tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như: tránh xa những nơi, vật nguy hiểm, không tiếp xúc hay nhận quà người lạ, một số thực phẩm không an toàn...; Thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế học đường, ban chỉ đạo an toàn trường học, Ban quản lý công tác nuôi bán trú và VSATTP. Lồng ghép giáo dục nội dung phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, ngộ độc thực phẩm trong chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự (nếu có) và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Luôn theo dõi số lượng, tình trạng của trẻ khi đến trường hàng ngày qua sổ trực ca; tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về kiến thức khoa học chăm sóc, giáo dục trẻ, các biện pháp đảm bảo an toàn cho trẻ cả về thể chất và tinh thần.[H1-1.10-04]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự, an toàn cho trẻ, CBGVNV; thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, cháy nổ trong trường,...

Trường, lớp được đặt tại khu trung tâm phù hợp với quy hoạch chung, thuận lợi cho việc đảm bảo an ninh trật tự. Từ ngày thành lập trường cho đến nay an ninh trật tự trong nhà trường được giữ vững, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm và mất an ninh trật tự.

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền phối kết hợp với Ban công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường; thường xuyên phối hợp với các cấp, các ngành phát động và nhân rộng mô hình, gương điển hình tiên tiến trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trong nhà trường.

Trường có phòng y tế được trang bị đầy đủ thiết bị theo quy định. Hợp đồng thực phẩm rõ nguồn gốc, bếp ăn được Trung tâm Y tế huyện công nhận đảm bảo VSATTP.

### 3. Điểm yếu

Trường chưa có nhân viên y tế học đường chuyên trách mà được tăng cường từ trường Tiểu học Nam Hùng do vậy công tác chăm sóc sức khỏe trẻ chưa được thường xuyên, việc theo dõi, cập nhật vào hồ sơ theo dõi chưa kịp thời.

Các phương tiện và thiết bị phòng chống cháy nổ còn hạn chế.

Kiến thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về phòng chống cháy nổ còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                              | <b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Mua bổ sung trang thiết bị phòng chống cháy nổ                               | Hiệu trưởng                                             | Kinh phí                      | Đầu năm học 2021-2022                     | 4 triệu đồng            |
| Phối kết hợp với công an Huyện tuyên truyền công tác phòng chống cháy nổ tới | BGH                                                     | Tháng hành động               | Trong các năm học                         | 3 triệu đồng            |

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                  | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>(chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| CB, GV, NV, HS                                                                   |                                                            |                               |                                           |                         |
| Tham mưu cấp có thẩm quyền tuyển dụng nhân viên y tế chuyên trách cho nhà trường | UBND huyện, Phòng GD&ĐT                                    | Các văn bản các cấp           | Các năm học                               |                         |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | -----     |                   |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -----     |                   |
| c       | Đạt               |         |                   | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

## II. Kết luận về Tiêu chuẩn 1

### Điểm mạnh

Có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, điều kiện thực tế của địa phương, các nguồn lực của nhà trường, được phòng giáo dục phê duyệt. Hội đồng trường được thành lập và thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ trường Mầm non.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường Mầm non, Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, chi Đoàn TNCS HCM độc lập nên rất thuận lợi trong hoạt động. Các tổ chức đề có kế hoạch, quy chế hoạt động, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non;

Ban giám hiệu có đầy đủ Kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần cụ thể, bám sát chỉ đạo của các cấp, có tính khả thi cao. Nhà trường thực hiện nghiêm túc quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, tài sản, quản lý hoạt động giáo dục, quản lý học sinh; làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, thi đua khen

thường nên có tác dụng tích cực trong việc động viên, khích lệ kịp thời cán bộ, giáo viên, nhân viên, góp phần nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ của nhà trường, sinh hoạt chuyên môn định kỳ, bồi dưỡng chuyên môn hiệu quả.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm do đó nhiều năm qua chưa để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, bạo lực học đường, mất an ninh, an toàn trường học trong trường.

Có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định.

### **Điểm yếu**

**Trường chưa có Webside riêng** nên việc công bố ở phạm vi còn hẹp, do đó Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ cộng đồng.

Tổ chức công đoàn và một số tổ chức khác trong nhà trường chưa có nhiều hoạt động tiêu biểu, sáng tạo.

Công tác lưu trữ hồ sơ của nhà trường chưa được đầy đủ và khoa học.

Nhà trường chưa có nhân viên kế toán, y tế và văn phòng chuyên trách do đó việc quản lý tài chính tài sản còn hạn chế, theo dõi sức khỏe trẻ và lưu trữ hồ sơ chưa kịp thời, khoa học.

### **Số tiêu chí đạt yêu cầu:**

- Tổng tiêu chí: 10
- Tổng số tiêu chí đạt: 10/10=100%; trong đó:
  - + Số tiêu chí đạt mức 1: 10
  - + Số tiêu chí đạt mức 2: 10
  - + Số tiêu chí đạt mức 3: 1

### **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Nam Hùng được biên chế đầy đủ, Ban Giám hiệu có kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục theo yêu cầu của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm, xây dựng khối đoàn kết vững chắc.

#### **Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng**

##### **Mức 1**

- a) Đạt chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

### **Mức 2**

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 2 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

### **Mức 3**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hiệu trưởng: Đồng chí Nguyễn Thị Thúy được ký HĐLĐ ngày 01/9/2004; bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Nam Hùng lần đầu vào ngày 01/5/2006 theo Quyết định số 93/QĐ-CT ngày 29/4/2006 của Chủ tịch UBND huyện Nam Trực; bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Nam Hùng vào ngày 15/4/2015 theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Nam Trực. Đồng chí Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục tại trường Mầm non Nam Hùng là 17 năm, có trình độ chuyên môn ĐHSPMN. [H2-2.1-01]

Phó Hiệu trưởng: Đồng chí Bùi Thị Thanh Huyền vào ngành từ tháng 6 năm 2002, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Nam Hùng lần đầu vào tháng 01/2015 theo Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Nam Trực. Đồng chí Phó Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục tại trường Mầm non Nam Hùng là 17 năm, có trình độ chuyên môn ĐHSPMN.[H2-2.1-01]

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình giáo dục Mầm non, nắm vững cách lập kế hoạch giáo dục theo mục tiêu nội dung, hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ, định hướng theo quan điểm giáo dục tích hợp lấy trẻ làm trung tâm và không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

Lãnh đạo nhà trường đều biết ứng dụng, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin một cách nhanh nhạy, hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo

chuyên môn, trong công tác báo cáo trực tuyến, và sử dụng các phần mềm quản lý được ứng dụng thực hiện trong trường mầm non như phần mềm phổ cập, phần mềm quản lý nhà trường... Các đồng chí Ban giám hiệu đều có chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định...[H2-2.1-01]

b) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức đánh giá Hiệu trưởng đúng quy trình, quy định chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non theo thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018. Đối chiếu với quy định chuẩn, Hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại, sau đó chủ tịch Công đoàn chủ trì đề Hiệu trưởng báo cáo kết quả tự đánh giá; cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia góp ý và đánh giá. Tiếp theo ban chấp hành công đoàn tổng hợp kết quả đánh giá Hiệu trưởng, gửi văn bản về Phòng Giáo dục và Đào tạo để Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo trực tiếp đánh giá Hiệu trưởng và nhà trường nhận kết quả đánh giá hàng năm lưu tại trường. Qua kết quả tổng hợp việc đánh giá hằng năm, Hiệu trưởng đã được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường. Kết quả đánh giá Hiệu trưởng trong 5 năm đều được xếp loại xuất sắc. Đồng chí Hiệu trưởng hàng năm được Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo nhận xét, đánh giá: có lập trường chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống trong sáng; có năng lực quản lý, điều hành và năng lực chuyên môn tốt.[H2-2-1-02]

c) Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đã tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục; tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ trường Mầm non. [H2-2.1-03]

## Mức 2

a) Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022, kết quả đánh giá xếp loại Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non trong các năm học gần đây đều đạt mức xuất sắc, khá. [H2-2.1-04]

| Năm học | Xếp loại Phó Hiệu trưởng |     |            | Xếp loại Hiệu trưởng |     |            |
|---------|--------------------------|-----|------------|----------------------|-----|------------|
|         | Xuất sắc                 | Khá | Trung bình | Xuất sắc             | Khá | Trung bình |

|             |  |   |  |   |  |  |
|-------------|--|---|--|---|--|--|
| 2017 – 2018 |  | X |  | X |  |  |
| 2018 – 2019 |  | X |  | X |  |  |
| 2019 – 2020 |  | X |  | X |  |  |
| 2020 – 2021 |  | X |  | X |  |  |
| 2021 – 2022 |  | X |  | X |  |  |

b) Đồng chí Hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị tháng 8 năm 2016. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm với công việc, được giáo viên và nhân viên trong trường tin nhiệm. [H2-2.1-05]

Đồng chí Phó Hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị.

### Mức 3

Kết quả đánh giá xếp loại Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó Hiệu trưởng từ năm học 2017 - 2018 đến nay đều đạt loại Khá trở lên.[H2-2.1-06]

### 2. Điểm mạnh

Đồng chí Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có số năm công tác đảm bảo theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Điều lệ Trường mầm non; có năng lực quản lý, trình độ chuyên môn vững vàng; tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, nhiều năm liền được Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp loại Khá, được các cấp tặng nhiều Giấy khen.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có đủ sức khỏe và năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường.

### 3. Điểm yếu

- Thời gian để khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b> | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Ưu tiên thời gian cho Phó Hiệu trưởng tự        | - Đ/c Phó                                                   |                               | Trong năm học 2021-                       |                         |

|                                                                                   |             |  |      |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|------|--|
| học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý | Hiệu trưởng |  | 2022 |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|------|--|

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1     |                   | Mức 2     |                   | Mức 3     |                   |
|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a         | Đạt               | a         | Đạt               | *         | Không đạt         |
| b         | Đạt               | b         | Đạt               | -----     |                   |
| c         | Đạt               | -----     |                   | -----     |                   |
| Không đạt |                   | Không đạt |                   | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

#### Mức 1

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, giáo viên ở mức đạt trở lên.

#### Mức 2

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

#### Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1

a) Năm học 2021-2022, trường có 24 giáo viên, đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ Quy định Danh mục khung vị trí việc làm và định mức người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập; trong đó, 08 giáo viên nhà trẻ, 16 giáo viên mẫu giáo. Căn cứ Điều lệ trường mầm non nhà trường thực hiện định biên số cô/trẻ/lớp như sau:

Nhà trẻ: 08 cô/4 nhóm/58 trẻ, bình quân 6,9 trẻ/cô

Mẫu giáo: 16 cô/ 10 lớp/ 273 trẻ, bình quân 17 trẻ/cô

Các đồng chí giáo viên đều được đào tạo theo đúng chuyên ngành, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo trong mọi hoạt động của nhà trường. Hàng năm, 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức và tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ. [H2-2.2-01]

b) 100% giáo viên có bằng tốt nghiệp từ trung cấp sư phạm mầm non đúng chuyên ngành đào tạo giáo dục mầm non trở lên theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, trong đó trình độ trên chuẩn là 18 giáo viên, đạt 64,3% ( 9 đại học, 9 cao đẳng). [H2-2.2-02]

c) Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo đúng quy trình: Giáo viên tự đánh giá, xếp loại sau đó tổ chuyên môn đánh giá, xếp loại và cuối cùng Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại và công khai kết quả đánh giá đến toàn thể giáo viên. Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm: Có 100% số giáo viên được xếp từ loại Khá trở lên, cụ thể: [H2-2.2-03]

| Xếp loại<br>Năm học | Tổng<br>số GV | Số GV<br>được<br>ĐG | Xuất sắc |     | Khá |     | Đạt |     |
|---------------------|---------------|---------------------|----------|-----|-----|-----|-----|-----|
|                     |               |                     | SL       | TL% | SL  | TL% | SL  | TL% |

| Xếp loại<br>Năm học | Tổng<br>số GV | Số GV<br>được<br>ĐG | Xuất sắc |      | Khá |      | Đạt |      |
|---------------------|---------------|---------------------|----------|------|-----|------|-----|------|
|                     |               |                     | SL       | TL%  | SL  | TL%  | SL  | TL%  |
| 2017 - 2018         | 27            | 27                  | 15       | 55,5 | 12  | 44,5 | 0   |      |
| 2018 - 2019         | 27            | 27                  |          |      | 7   | 25,9 | 20  | 74,1 |
| 2019 - 2020         | 27            | 27                  | 14       | 51,8 | 13  | 48,2 | 0   |      |
| 2020 - 2021         | 25            | 25                  |          |      | 14  | 56   | 11  | 44   |
| 2021 - 2022         | 24            | 24                  |          |      | 24  | 100  |     |      |

### Mức 2

a) Từ năm học 2014 - 2015 đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 64,2% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch cử giáo viên đi học để nâng cao trình độ. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đại học tăng dần theo các năm học. Cụ thể: năm học 2017-2018, trường có 50% giáo viên đạt trình trên chuẩn, đến năm học 2020-2021 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 64,2%, tăng 14,2%.[H2-2.2-04]

b) Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2014- 2015 đến năm 2018-2019 nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non trong đó có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. [H2-2.2-04]

c) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2014- 2015 đến năm 2018-2019 được sự chỉ đạo sát sao của cấp trên và ban giám hiệu nhà trường, 100% cán bộ công chức, viên chức không vi phạm đạo đức nhà giáo. Thực hiện đúng quy chế chuyên môn ngành, tuân thủ đúng các đường lối chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước.[H2-2.2-05]

### Mức 3

a) Tính đến năm học 2021- 2022, tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường đạt 64,2% (trong đó trình độ đại học đạt 32,1%)[H2-2.2-06]

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2017- 2018 đến năm học 2021-2022 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp của nhà trường 100% đạt mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức xuất sắc.[H2-2.2-07]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, cơ cấu hợp lý là điều kiện thuận lợi để thực hiện hiệu quả Chương trình GDMN.

100% giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trung thực, giản dị, có quan hệ tốt với mọi người, luôn yêu nghề, mến trẻ được cha mẹ trẻ và đồng nghiệp tin yêu; luôn chấp hành tốt nội quy, quy chế chuyên môn theo quy định.

100% giáo viên trong nhà trường đạt trình độ chuẩn, 69,9% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Giáo viên nhà trường vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết, tích cực học hỏi chuyên môn, có uy tín đối với cha mẹ học sinh và có niềm tin với các cấp lãnh đạo, các ban ngành tại địa phương.

### 3. Điểm yếu

Kinh phí hỗ trợ thêm cho giáo viên khi tham gia học các lớp tập huấn chuyên đề còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                                                                                                                    | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b>   | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Chọn cử giáo viên đi học lớp cao đẳng và đại học gồm 7 đ/c:<br>1. Đ/c Ngô Thị Tươi<br>2. Đ/c Vũ Thị Thắm<br>3. Phạm Thị Trang<br>4. Đoàn Thị Thúy Hằng<br>5. Nguyễn Thị Thơ<br>6. Nguyễn Thị Hay<br>7. Tô Thị Liên | - Giáo viên có nguyện vọng<br>- Lãnh đạo nhà trường                 | - Giáo viên.<br>- Tổ chuyên môn | Trong năm học 2021 - 2022                 |                         |
| Tổ chức cho giáo viên học BDTX phù hợp.                                                                                                                                                                            | - Lãnh đạo nhà trường                                               | - Giáo viên<br>- Tổ chuyên môn  | Trong năm học 2021-2022                   |                         |

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>               | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Đảm bảo đúng, đủ kinh phí cho giáo viên đi học theo quy định. | - Lãnh đạo nhà trường<br>- Giáo viên                                | - Giáo viên                   | Trong năm học 2021-2022                   | 5 triệu/năm             |

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2     |                | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|-----------|----------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a         | Đạt            | a         |                   |
| b       | Đạt               | b         | Đạt            | b         |                   |
| c       | Đạt               | c         | Đạt            | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Không đạt |                | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

#### Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

#### Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

#### Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

### 1. Mô tả hiện trạng

### **Mức 1**

a) Năm học 2021-2022, nhà trường có 06 nhân viên để làm các việc hành chính. Cụ thể: 02 nhân viên làm công tác bảo vệ; 04 nhân viên nuôi dưỡng học đồng địa phương, 01 nhân viên y tế. Nhân viên được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc. Giáo viên kiêm nhiệm công tác văn phòng được tham gia vào các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do nhà trường tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như tập huấn sử dụng phần mềm phổ cập, phần mềm quản lý trường học.[H2-2.3-01]

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, cụ thể như sau:

02 đồng chí Đoàn Văn Cừu và Phạm Văn Toán, là người hợp đồng lao động được phân công phụ trách công tác bảo vệ trường học.

04 Đồng chí: Nguyễn Thị Thanh Vân, Phạm Thị Dung, Nguyễn Thị Thu Hương, Phạm Thị Hiền là nhân viên nuôi dưỡng.

Đồng chí Ngô Thị Tươi là giáo viên kiêm nhiệm công tác văn phòng

Đồng chí Phạm Thị Trang là giáo viên kiêm nhiệm phụ trách công tác Kế toán.[H2-2.3-02]

c) Nhân viên nhà trường có năng lực, trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt tích cực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao. [H2-2.3-03]

### **Mức 2**

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên (bao gồm cả giáo viên kiêm nhiệm) của nhà trường cơ bản đảm bảo theo quy định về định mức giáo viên mầm non công lập thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ về việc hướng dẫn khung vị trí việc làm và định mức giáo viên mầm non công lập công lập.

Nhà trường 05 nhân viên làm nhiệm vụ nấu ăn đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, hưởng chế độ, chính sách theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.[H2-2.3-04]

b) Trong các năm học liên tiếp từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022, nhà trường xây dựng nội quy quy chế và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân viên để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Kết quả 8/8 nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao không có nhân viên bị kỷ luật.[H2-2.3-05]

### **Mức 3**

a) Một số nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: 01 nhân viên nuôi dưỡng có trình độ Cao đẳng, một số nhân viên do giáo viên kiêm nhiệm như: nhân viên Kế toán, nhân viên thủ quỹ, nhân viên văn phòng đều có trình độ Đại học.[H2-2.3-06]

b) Nhân viên kiêm nhiệm công tác văn phòng được tham gia vào các lớp tập huấn chuyên môn do cấp trên tổ chức, nhân viên kiêm nhiệm kế toán được nhà trường tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng về nghiệp vụ kế toán của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường sử dụng một số phần mềm ứng dụng hỗ trợ công việc cho nhân viên như: Cổng thông tin điện tử, phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu ngành, quản lý trường học. [H2-2.3-06]

## 2. Điểm mạnh

Nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

Nhân viên trong trường có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nên tài sản của nhà trường được bảo quản tốt.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế toán, văn phòng chuyên trách, còn do giáo viên kiêm nhiệm nên công việc còn chồng chéo, chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định của Điều lệ Trường mầm non.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                   | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Đề xuất để có nhân viên kế toán, văn phòng chuyên trách thư viện. | BGH                                                                 |                               | Trong năm học 2021-2022                   |                         |
| Làm tốt công tác bồi dưỡng CMNV cho NV của tổ trong các năm học.  | BGH, NV                                                             | Tự BD                         | Trong các năm học                         |                         |

## 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |      | <b>Mức 2</b> |      | <b>Mức 3</b> |            |
|--------------|------|--------------|------|--------------|------------|
| Chỉ báo      | Đạt/ | Chỉ báo      | Đạt/ | Chỉ báo      | Đạt/ Không |

|     |           |       |           |           |           |
|-----|-----------|-------|-----------|-----------|-----------|
|     | Không đạt |       | Không đạt |           | đạt       |
| a   | Đạt       | a     | Đạt       | a         | Không đạt |
| b   | Đạt       | b     | Đạt       | b         | Không đạt |
| c   | Đạt       | ----- |           | -----     |           |
| Đạt |           | Đạt   |           | Không đạt |           |

Kết quả: Đạt Mức 2

### **Điểm mạnh, điểm yếu nổi bật**

#### **Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường nhiệt tình, năng động, có tâm huyết, đủ năng lực để triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao, được đào tạo với trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục hiện nay.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc, kịp thời chế độ và quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện chế độ lương và phụ cấp đầy đủ, đúng quy định và công khai dân chủ, tạo niềm tin, động lực cho đội ngũ yên tâm công tác.

Nhà trường và công đoàn luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giáo viên, tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

#### **Điểm yếu**

Nhà trường còn thiếu một số vị trí việc làm như: Nhân viên kế toán và nhân viên văn phòng.

Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục.

Kinh phí hỗ trợ cho giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế.

Số tiêu chí đạt: 3/3; trong đó:

- Số tiêu chí đạt mức 1: 2
- Số tiêu chí đạt mức 2: 2
- Số tiêu chí đạt mức 3: 0

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất thiết bị dạy học**

Cơ sở vật chất khang trang, sạch sẽ, các nhóm lớp, các phòng chức năng được thiết kế thuận tiện; trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phong phú nhằm đảm bảo tốt các hoạt động của trường, đảm bảo các điều kiện trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

#### **Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

##### **Mức 1**

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho 1 trẻ đảm bảo theo quy định.

b) Có cổng, biển, tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh, khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ.

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi- cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

##### **Mức 2**

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

##### **Mức 3**

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1**

a) Từ tháng 9/2019, trường quy hoạch tập trung 2 khu, đặt ở thôn Cổ Gia và thôn Cổ Tung với tổng diện tích toàn trường là 5.208 m<sup>2</sup>, bình quân 15,78 m<sup>2</sup>/học sinh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN: BG520752 ngày 29/02/2012 và BP 912045 ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Nam Định; Trường được xây dựng kiên cố khang trang gồm 14

phòng học và 1 số công trình phụ trợ, phòng chức năng đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

b) Trường có cổng và biển tên trường đúng quy định theo Điều lệ trường mầm non. Cổng trường Mầm non Nam Hùng có biển được ghi như sau:

Góc bên trái: Dòng thứ nhất: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC

Dòng thứ hai: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ở giữa: TRƯỜNG MẦM NON NAM HÙNG

Cuối cùng: Địa chỉ: XÃ NAM HÙNG, HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

Khuôn viên trường có tường bao quanh được xây bằng gạch kiên cố, có chiều cao 1,7m, chiều dài 415m, đảm bảo an toàn cho trẻ; có vườn rau của bé; có cây xanh và cây bóng mát; có bồn hoa cây cảnh thân thiện và an toàn cho trẻ khi sử dụng. Trường sử dụng nước sạch và máy lọc nước tinh khiết đảm bảo hợp vệ sinh, hệ thống thoát nước đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh, thường xuyên nâng cấp, dọn vệ sinh không để tình trạng tắc nghẽn.[H3-3.1-02]

c) Nhà trường có diện tích sân chơi là 826 m<sup>2</sup>, trong đó đã có 155,7m<sup>2</sup> mái tôn che đồ chơi ngoài trời và 167m<sup>2</sup> mái tôn để trẻ chơi đa năng. Sân chơi đã được quy hoạch theo các khu vực hoạt động và có đường đi lối lại cho trẻ có thiết kế phù hợp thuận tiện cho trẻ.

Hiên chơi của các dãy lớp có diện tích 213m<sup>2</sup>, trung bình 0,65 m<sup>2</sup>/trẻ có dậu bao quanh, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các hoạt động của trẻ. Có nhiều cây xanh tạo bóng mát đảm bảo an toàn, thân thiện không khí trong lành, thoáng mát; Hằng năm đều được tu sửa nâng cấp cải tạo đẹp mắt và đảm bảo an toàn cho cô trẻ hoạt động; đồng thời trẻ được khám phá và trải nghiệm tìm hiểu về môi trường sống xung quanh mình, giáo dục tình yêu thiên nhiên cho trẻ.[H3-3.1-03]

## Mức 2

a) Trường có diện tích làm vườn cây của bé, Vườn trường được quy hoạch diện tích là 1932m<sup>2</sup> đặt phía trước các phòng nhóm lớp gồm các khu: Khu trồng bồn hoa, khu trồng rau xanh, khu trồng cây xanh, cây bóng mát thuận tiện cho trẻ quan sát và hoạt động hàng ngày, sắp xếp hợp lý, vừa tạo bóng mát cho học sinh vui chơi, vừa tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh và tổ chức các tiết học ngoài không gian lớp học, đồng thời giáo dục trẻ tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường. [H3-3.1-04]

b) Khuôn viên trường có tường xây bao quanh được xây bằng gạch và hộp kẽm ngăn cách với bên ngoài. Mỗi lớp có hành lang chơi riêng, xung quanh trường có nhiều cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh như: Cây phượng, cây nhãn, cây bưởi, cây xoài, cây hồng xiêm, cây táo, cây khế, cây sấu, cây hoa ban, cây lộc vừng, cây vú sữa ... sắp xếp hợp lý vừa tạo cây xanh bóng mát cho trẻ vui chơi, vừa tổ chức các hoạt động ngoài lớp cho trẻ. Cây xanh, cây hoa được nhân viên, giáo viên chăm sóc hằng ngày. Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và trẻ được khám phá hằng ngày thông qua các hoạt động như: Vườn hoa, vườn rau, vườn cây thuốc nam, vườn hoa... [H3-3.1-05]

c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời được đổ bê tông, có mái che; trên nền thiết kế trải thảm cỏ nhân tạo, các loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, phong phú, phù hợp với trẻ. Đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo danh mục thiết bị đồ chơi ngoài trời đúng quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đào tạo, 100% đồ chơi ngoài trời được làm mái che bảo quản chắc chắn đảm bảo an toàn. Có tường bao kiên cố ngăn cách trường với đường liên thôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. [H3-3.1-06]

### **Mức 3**

Sân chơi có khu vực riêng cho trẻ tập thể dục, khu vực chơi với đồ chơi ngoài trời, khu vực chơi với cát, nước. Trường có 6 loại thiết bị, đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có thảm cỏ nhân tạo tại các khu vực vận động đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi vận động, vui chơi. Hàng năm, có kế hoạch tu sửa, bảo dưỡng đảm bảo chất lượng đồ chơi, duy trì hiệu quả các hoạt động cho trẻ.[H3-3.1-07]

### **2. Điểm mạnh**

Trường được quy hoạch tập trung 2 khu, đặt tại nơi trung tâm dân cư, thuận tiện trong việc đưa trẻ đến trường; Nhà trường có diện tích rộng, thoáng mát, sạch sẽ, mặt bằng xây dựng bình quân trên học sinh đảm bảo so với quy định mặt bằng xây dựng của trường khu vực nông thôn.

Khuôn viên trường được quy hoạch rất hợp lý, có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh đảm bảo an toàn, thẩm mỹ cho người và tài sản.

Diện tích sân chơi, sân tập thể dục đảm bảo quy định, cây bóng mát, cây cảnh hợp lý, phân bố đều trên sân tạo không gian mát mẻ, không khí trong lành. Có đủ chủng loại đồ chơi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 3. Điểm yếu

Một số khu vực sân chơi của trẻ đang trong giai đoạn xây dựng nên chưa đưa vào sử dụng trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Cây ăn quả chưa đa dạng, hệ thống cây bóng mát mới trồng nên chưa đảm bảo độ che phủ tầm cao; một số khu vực đang chờ quy hoạch thiết kế xây dựng đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                                | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Thực hiện tốt công tác tham mưu, vận động tài trợ, huy động các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện sân vườn theo quy định. | BGH                                                                 |                               | Trong các năm học                         | 631 triệu đồng          |
| Huy động từ phụ huynh, giáo viên, các tổ chức tại địa phương ủng hộ cây xanh, cây bóng mát trồng tại vị trí quy hoạch.         | BGH                                                                 |                               | Trong năm học 2021-2022                   | 8 triệu                 |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                   | <b>Mức 2</b> |                   | <b>Mức 3</b> |                   |
|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt |
| a            | Đạt               | a            | Đạt               | *            | Không đạt         |
| b            | Đạt               | b            | Đạt               | -----        |                   |
| c            | Đạt               | -----        |                   | -----        |                   |
| Đạt          |                   | Đạt          |                   | Không đạt    |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

**Mức 1**

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (Có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); Có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); Có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học

**Mức 2**

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng.

**Mức 3**

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật; có phòng để hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ có năng khiếu

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Nhà trường có 14 phòng học, đủ mỗi lớp một phòng học riêng, tổng diện tích phòng sinh hoạt chung  $55\text{m}^2$ /phòng với tổng số trẻ đến trường là 331 trẻ, diện tích trung bình  $2\text{m}^2$ /trẻ. Các phòng nhóm lớp đều đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ ánh sáng, nền nhà được lát gạch men chống trơn đảm bảo an toàn; Có đủ bàn ghế cho cô và trẻ, được trang trí tranh ảnh theo chủ đề và theo độ mở lấy trẻ làm trung tâm rất phù hợp và đẹp mắt hấp dẫn trẻ khám phá trải nghiệm; Có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dành cho trẻ theo lứa tuổi đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được sắp xếp theo các góc chơi của trẻ.[H3-3.2-01]

b) Phòng sinh hoạt chung vừa là nơi tổ chức các hoạt động, vừa là nơi cho trẻ ngủ trưa có diện tích đảm bảo theo quy định; Có đủ đồ dùng giặt giường, chăn, gối, đệm, chiếu phục vụ giờ ngủ của trẻ, đồ dùng luôn được

giặt phơi khô diệt khuẩn đảm bảo vệ sinh thơm tho sạch sẽ; phòng ngủ luôn đảm bảo ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.

Có phòng giáo dục nghệ thuật dành riêng cho trẻ, diện tích  $60\text{m}^2$ , có gương áp tường, gióng múa, có các thiết bị điện tử, đàn, nhạc cụ, có đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, trang phục, đạo cụ múa được sắp xếp phù hợp với trẻ.[H3-3.2-02]

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt. Bình quân mỗi phòng học lắp 2 bóng điện tuýp, 2 quạt trần. Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học và các góc hỗ trợ hoạt động giáo dục theo chủ đề theo quan điểm giáo dục " Lấy trẻ làm trung tâm" đảm bảo khoa học, thẩm mỹ, tiện lợi khi sử dụng.[H3-3.2-03]

## **Mức 2**

Phòng sinh hoạt chung: Gồm 14 phòng có diện tích trung bình  $55\text{m}^2$  vừa là phòng học, vừa là phòng chơi và là phòng ngủ, đảm bảo diện tích trung bình  $2,0\text{ m}^2/\text{trẻ}$ , đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Điều lệ Trường mầm non đạt như sau: 5 tuổi đạt 100%; 4 tuổi đạt 85%; 3 tuổi đạt 80%; nhà trẻ đạt 75% và trang trí tranh ảnh đúng theo quy định.[H3-3.2-04]

Phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích  $60\text{m}^2$ , đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

## **Mức 3**

Nhà trường chưa có phòng đa năng, các phòng riêng biệt để dạy các môn mỹ thuật và phòng để hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ có năng khiếu.

### **2. Điểm mạnh**

Số lượng phòng học đạt tỉ lệ 1 phòng/lớp, đáp ứng đầy đủ cho học sinh học 2 buổi/ngày, ăn bán trú tại trường. Bàn ghế đúng quy cách, đồ dùng, đồ chơi tại các nhóm, lớp đảm bảo Danh mục và quy cách theo quy định.

Phòng học đảm bảo đúng quy định, đảm bảo an toàn cho giáo viên, học sinh theo quy định về vệ sinh trường học, các phòng được trang bị đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng, quạt điện theo yêu cầu.

Các lớp học đều có hiên chơi rộng rãi thoáng mát, đảm bảo đủ diện tích cho trẻ hoạt động theo quy định, có dậu lan can chắc chắn bền đẹp đúng kích thước đảm bảo an toàn cho trẻ

### **3. Điểm yếu**

Phòng ngủ, phòng ăn còn sử dụng sinh hoạt chung. Chưa có phòng đa năng . Trường không có trẻ khuyết tật..

Kinh phí đầu tư cho xây dựng, mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch cải tiến

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                                     | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Tham mưu với chính quyền địa phương xây thêm hệ thống phòng ngủ, phòng ăn cho trẻ                                                   | BGH                                                         |                               | Năm học 2023-2024                         | 2 tỷ đồng               |
| Làm tốt công tác xã hội hóa bổ sung CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động GD, đặc biệt là các thiết bị dạy - học hiện đại. | BGH,GV, PH                                                  |                               | Các năm học                               | 100 triệu đồng          |

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3     |                |
|---------|----------------|---------|----------------|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | *       | Đạt            | *         | Không đạt      |
| b       | Đạt            | -----   |                | -----     |                |
| c       | Đạt            | -----   |                | -----     |                |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Không đạt |                |

Kết quả: đạt mức 2

#### Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị

##### Mức 1

- Có các loại phòng theo quy định;
- Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm

bảo an toàn trật tự;

## **Mức 2**

a) Đảm bảo diện tích theo quy định

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên có mái che đảm bảo an toàn và tiện lợi.

## **Mức 3**

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Nhà trường đã có Văn phòng, phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng Y tế, phòng nhân viên, phòng bảo vệ, công trình vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo đủ số lượng phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.[H3-3.3-01]

b) Văn phòng trường có bàn ghế, tủ văn phòng, có biểu bảng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trang thiết bị, máy tính, bàn tiếp khách, bàn làm việc, tủ đựng hồ sơ; phòng hành chính quản trị có bàn làm việc, máy tính, tủ hồ sơ, bảng biểu; phòng y tế có bàn làm việc, giường y tế, cân, đo, tủ thuốc và có bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, Có bảng theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kì cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ về cách phòng chống một số bệnh thường gặp như bệnh Sởi, tiêu chảy cấp, sốt xuất huyết, bệnh chân tay miệng, ....để tuyên truyền cho cha mẹ biết cách chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ tranh ảnh tuyên truyền; phòng nhân viên có mắc đồ dùng cá nhân cho nhân viên; phòng bảo vệ có đủ bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách, giường và đồ dùng phục vụ cho công tác bảo vệ, khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên có đầy đủ thiết bị, có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh. Các phòng đều có các phương tiện làm việc cũng đã được trang bị đầy đủ theo đúng yêu cầu.[H3-3.3-02]

c) Nhà trường có khu để xe dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích 35 m<sup>2</sup>, được lợp tôn lạnh, đảm bảo thuận tiện, an toàn.[H3-3.3-03]

## Mức 2

a) Khối phòng hành chính, quản trị, gồm: diện tích văn phòng là 55m<sup>2</sup>, phòng Hiệu trưởng có diện tích 55 m<sup>2</sup>, phòng Phó Hiệu trưởng có diện tích 15m<sup>2</sup>, phòng hành chính quản trị 35 m<sup>2</sup>, phòng Y tế diện tích 20 m<sup>2</sup>, phòng thường trực bảo vệ 27m<sup>2</sup>, phòng nhân viên diện tích 10 m<sup>2</sup>, công trình vệ sinh cho CB, GV, NV, diện tích 10 m<sup>2</sup>. Các phòng đều đảm bảo diện tích quy định tại Điều lệ trường mầm non.

b) Nhà trường có khu để xe dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích 35 m<sup>2</sup>, được lợp tôn, đảm bảo thuận tiện, an toàn.

## Mức 3

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Nhà trường có 3 máy tính, 3 máy in phục vụ cho công tác quản lý hành chính và phục vụ cho công tác soạn giảng, tra cứu tài liệu, sử dụng phần mềm phổ cập, phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý nhà trường của CBQLGV. Tất cả máy tính đều được kết nối internet để phục vụ cho việc cập nhật văn bản, tra cứu tài liệu và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng. Phòng Nghệ thuật có đàn, gương, gióng múa, trang phục biểu diễn, dụng cụ âm nhạc, hệ thống điện được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng, có lịch hoạt động cụ thể cho từng lớp đối với hoạt động giáo dục âm nhạc hàng tuần.

Phòng y tế của nhà trường có các trang thiết bị như: tủ thuốc, giường bệnh, cân, đo điện tử, dụng cụ sơ cứu, tranh ảnh tuyên truyền ...là nơi trẻ được nghỉ ngơi khi mệt, ốm, sốt thông thường, hoặc cần xử lý ban đầu đối với trường hợp trẻ bị tai nạn như ngã trầy xước, sặc... có nhân viên y tế theo dõi.

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế đồng bộ, bảng biểu phù hợp với GDMN, sử dụng là nơi hội họp, sinh hoạt chuyên môn hàng tháng. Các bảng biểu được sắp xếp hợp lý, khoa học.

Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, nhân viên, hành chính quản trị, bảo vệ được đặt tại vị trí phù hợp, thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ, các phòng đều được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng theo chức năng nhiệm vụ như: bàn ghế tiếp khách, bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, bảng công tác....đối với phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; phòng nhân viên và hành chính

quản trị bố trí liền kề với bếp thuận tiện cho nhân viên khi làm việc; phòng Hiệu trưởng, bảo vệ đặt ở vị trí có thể quan sát mọi hoạt động của nhà trường.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, diện tích các phòng, khối phòng hành chính theo quy định. Nhà trường trang bị tương đối đầy đủ các loại đồ dùng trang thiết bị tối thiểu trong các phòng chức năng, các loại thiết bị đều được thiết kế, sắp xếp phù hợp đảm bảo theo tính chất công việc theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Khu vực để xe được lợp tôn, đặt ở vị trí an toàn, tiện lợi khi sử dụng.

## 3. Điểm yếu

Hệ thống một số phòng chức năng có diện tích nhỏ như phòng nhân viên, nhà vệ sinh cho giáo viên nên ảnh hưởng đến các hoạt động quản lý và chỉ đạo của Ban giám hiệu.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b> | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>(chủ trì/<br>phối hợp/<br>giám sát) | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Tham mưu với UBND xã xây dựng thêm 01 văn phòng | BGH                                                              |                               | 5/2029                                    | 01 tỷ đồng              |

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *         | Không đạt         |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -----     |                   |
| c       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

#### Mức 1

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố

b) Kho thực phẩm, kho ga, kho lương thực được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn

## **Mức 2**

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non

## **Mức 3**

Bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Có bếp ăn được xây dựng kiên cố, có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nấu ăn và chia ăn, được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện theo đúng quy cách, quy trình.[H3-3.4-01]

b) Có kho thực phẩm, kho ga, kho lương thực được phân chia thành khu vực, đảm bảo an toàn thực phẩm, có 1 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn và chứa thực phẩm. Đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.[H3-3.4-02]

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ em. Chất lượng lưu giữ mẫu thức ăn được đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non: thức ăn lưu giữ có định lượng 150g đối với thức ăn đặc, 250ml đối với thức ăn lỏng, lưu ở nhiệt độ  $3^{\circ}\text{C}$ , 24/24 giờ, có tem niêm phong với đầy đủ thông tin như bữa ăn, tên thức ăn, ngày giờ lưu và chữ ký người trực tiếp lưu. Dụng cụ lưu mẫu bằng thủy tinh, có nắp đậy an toàn, có dụng cụ lưu cho từng thực phẩm trong các bữa.[H1-3.4-03]

### **Mức 2**

Bếp ăn có diện tích  $110\text{ m}^2$ , đảm bảo  $0,3 - 0,35\text{ m}^2/\text{trẻ}$ , đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13 năm 20220 của Bộ giáo dục gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình vận hành bếp 1 chiều. Bếp nấu ăn bằng ga, có tủ cơm ga, có đủ đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nấu ăn và chia ăn, được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, thuận tiện, đúng quy cách, đúng quy định của Điều lệ trường Mầm non.

Trang, thiết bị nhà bếp gồm: đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; Có tủ

lạnh để lưu mẫu thực phẩm của trẻ ăn bán trú; có đủ nước sử dụng, chất lượng nước phải được cơ quan y tế kiểm định;

Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ. [H1-3.4-04]

### **Mức 3:**

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT), yêu cầu:

- Thông thoáng, đủ ánh sáng; cửa sổ có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác;
- Tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, hạn chế các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng;
- Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện phải được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng;
- Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống phải được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại;
- Có phương tiện bảo quản thực phẩm;
- Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn;
- Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác phải được làm bằng vật liệu chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh. [H1-3.4-05]

### **2. Điểm mạnh**

Nhà bếp được xây dựng kiên cố, theo quy trình bếp một chiều thoáng mát với đầy đủ trang thiết bị dụng cụ nhà bếp đảm bảo yêu cầu nuôi ăn bán trú cho trẻ.

Nhân viên nhà bếp thực hiện đúng quy trình vận hành một chiều, khu vực bếp sắp xếp khoa học, gọn gàng, ngăn nắp.

### **3. Điểm yếu**

Chưa có một số trang, thiết bị hiện đại.

### **4. Kế hoạch cải tiến**

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                                 | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục mua sắm bổ sung trang thiết bị còn thiếu, hiện đại cho công tác nuôi dưỡng của nhà trường | BGH,<br>PHHS                                                        |                               | Trong năm học 2019-2020                   | 50 triệu đồng           |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                   | <b>Mức 2</b> |                   | <b>Mức 3</b> |                |
|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|----------------|
| Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt |
| a            | Đạt               | *            | Đạt               | *            | Không đạt      |
| b            | Đạt               | -----        |                   | -----        |                |
| c            | Đạt               | -----        |                   | -----        |                |
| Đạt          |                   | Đạt          |                   | Không đạt    |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

#### Mức 1

a) Có các thiết bị đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị đồ dùng, đồ chơi, tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

#### Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

### Mức 3

Các thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### Mức 1

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại **văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non**, cụ thể: lớp 5 tuổi đảm bảo 100% danh mục, khối 4 tuổi 85% danh mục, khối 3 tuổi: 80% danh mục, Nhà trẻ: 75% danh mục.[H3-3.5-01]

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Tivi, đầu đĩa, máy tính, đồ dùng, đồ chơi, bảng từ, sách, báo, truyện các loại...và giáo viên tự làm một số đồ như: sách truyện, đồ chơi cho các chủ đề...; có 2 bộ đồ dùng dạy học được Sở cấp phát, 2 bộ được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp phát. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị phục vụ cho hoạt động âm nhạc, hoạt động tập thể, phát triển vận động như: quả tạ, cổng chui, đường đích dắc,...Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi giáo viên tự làm hoặc nhà trường tự mua ngoài danh mục quy định, nhà trường tự làm được những đồ sau: Bập bênh, ghế thăng bằng, ván dốc, cổng chui. Tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ em... [H3-3.5-02]

c) Hằng năm, và đầu năm và cuối năm, nhà trường thành lập Ban kiểm kê tài sản. Đánh giá việc sử dụng và bảo quản của giáo viên. Tiến hành thanh lý các thiết bị, đồ dùng hỏng và xây dựng kế hoạch bổ sung đồ dùng dạy học cho năm học tới. Đầu tháng 8 nhà trường tổ chức bàn giao và phát động tu sửa, cải tiến, làm bổ sung đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới như bàn ghế, bảng, giá, kệ, tủ đựng đồ, đồ chơi ngoài trời...[H3-3.5-03]

##### Mức 2

a) Trong 5 năm qua, 100% máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường, trong đó có 2 máy tính phục vụ công tác quản lý, 12 máy tính phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. [H3-3.5-04]

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại **Điều lệ trường mầm non**: Tivi, đầu đĩa, máy tính, đồ dùng, đồ chơi, bảng từ, sách, báo, truyện các loại... và giáo viên tự làm một số đồ như: sách truyện, đồ chơi cho các chủ đề..., mỗi nhóm, lớp có bộ thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo **Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non**. [H3-3.5-05]

c) Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của giáo viên và của Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, nhà trường đều dành kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị dạy học và phát động cán bộ, giáo viên tự làm đồ dùng dạy học. Tuy nhiên, đồ dùng tự làm của giáo viên còn thiếu đa dạng, độ bền không cao (chủ yếu là tranh vẽ, hoa quả, con vật từ xốp, giấy... là những vật dụng mau hỏng). [H3-3.5-06]

### **Mức 3**

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

Hàng năm, sau khi phân công chuyên môn cho giáo viên, nhà trường tổ chức bàn giao lớp học, bàn giao đồ dùng cho giáo viên, có biên bản bàn giao theo quy định. Đồ dùng bàn giao cho giáo viên được sắp xếp vào hệ thống tủ, giá phù hợp với nội dung chủ đề, một số đồ dùng chưa dùng đến được sắp xếp gọn gàng trong kho của nhóm, lớp giúp giáo viên thuận tiện trong việc sử dụng và bảo quản. Cách thức khai thác, sử dụng được giáo viên trao đổi, thảo luận trong buổi sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường, hoặc sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra và tiến hành kiểm tra theo kế hoạch việc sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên rất nghiêm túc thông qua các hình thức: dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kiểm tra kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi của học sinh... Ngoài ra, hàng năm nhà trường còn khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hình thức: Hội thi giáo viên giỏi cấp trường, Hội thi đồ dùng dạy học tự làm, tổ chức khen thưởng xứng đáng cho những đồ dùng dạy học tự làm có hiệu quả sử dụng cao.

### **2. Điểm mạnh**

Có đủ số lượng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định; một số thiết bị, đồ chơi tự làm đảm bảo an toàn, tính giáo dục cao.

Hàng năm có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thanh lý kịp thời thiết bị, đồ chơi cũ, hỏng.

### 3. Điểm yếu

Số lượng đồ chơi, thiết bị tự làm còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

Đồ dùng đồ chơi cho các lớp dưới 5 tuổi chưa đủ theo qui định.

Đồ dùng, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                          | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học có chất lượng và tích cực sử dụng đồ dùng                                         | Cán bộ, giáo viên                                                   | không                         | Trong các năm học                         |                         |
| Tham mưu với các cấp có thẩm quyền, địa phương và hội phụ huynh hỗ trợ kinh phí để mua sắm thêm một số đồ dùng hiện đại. | Hiệu trưởng                                                         | không                         | Tháng 8 hàng năm                          | 15 triệu đồng           |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                   | <b>Mức 2</b> |                | <b>Mức 3</b> |                 |
|--------------|-------------------|--------------|----------------|--------------|-----------------|
| Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo      | Đạt / Không đạt |
| a            | Đạt               | a            | Đạt            | *            |                 |
| b            | Đạt               | b            | Đạt            | -----        |                 |
| c            | Đạt               | c            | Đạt            | -----        |                 |
| Đạt          |                   | Đạt          |                | Không đạt    |                 |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

#### Mức 1

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường

## **Mức 2**

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Nhà trường có khu vệ sinh xây dựng đúng quy cách, riêng biệt cho giáo viên và nhà vệ sinh cho trẻ khép kín trong nhóm, lớp. Khu vệ sinh dành cho giáo viên rộng 10m<sup>2</sup>. Có 1 phòng vệ sinh khép kín cho với tổng diện tích bình quân là 16m<sup>2</sup> /phòng. Các phòng vệ sinh đều được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ đối với mẫu giáo, được trang bị vòi nước rửa tay; chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái; vòi tắm; có nhà bô đối với nhà trẻ, được trang bị vòi nước rửa tay; ghế ngồi bô; có thể bố trí máng tiểu, bệ xí cho trẻ em 24 - 36 tháng; vòi tắm; bể có nắp đậy hoặc bồn chứa nước. Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh đều là khu vệ sinh tự hoại, đảm bảo an toàn, sử dụng thuận tiện, hàng ngày được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ không có mùi gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.6-01]

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT -BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch trong ăn uống và sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống; về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt. [H3-3.6-02]

c) Nhà trường bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để đựng rác. Hàng ngày rác được phân loại, thu gom và có xe chuyển rác về bãi rác của xã theo quy định.[H3-3.6-03]

## **Mức 2**

a) Khu vệ sinh được xây dựng khép kín đảm bảo theo qui định. Diện tích và các thiết bị theo quy định của nhà vệ sinh đạt chuẩn, cụ thể: Phòng vệ sinh cho trẻ em: Đảm bảo 0,4 - 0,6 m<sup>2</sup> cho một trẻ em; đối với trẻ em mẫu giáo có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Phòng vệ sinh được xây dựng khép kín bên trong phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát. [H3-3.6-03]

b) Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT -BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: [H3-3.6-05]

- Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh; có hệ thống thùng đựng rác nắp đậy được phân bố hợp lý trên sân trường và các nhóm, lớp.

- Khu tập trung rác thải phải được bố trí cách biệt với nhà trường. Hàng ngày rác được thu gom, vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường.

### **1. Điểm mạnh**

- Có công trình vệ sinh cho CB, GV, NV và trẻ riêng. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường, thuận tiện, an toàn, sạch sẽ.

- Sử dụng 100% nước sạch cho sinh hoạt và khu vệ sinh; việc thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu.

### **2. Điểm yếu:**

- Còn 1 lớp 4-5 tuổi chưa có nhà vệ sinh riêng khép kín, nhà vệ sinh ở khu vực ngoài lớp học.

- Chưa có thiết bị hiện đại phục vụ cho chăm sóc trẻ.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>      | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>(chủ trì/<br>phối hợp/<br>giám sát) | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mức thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Bổ sung máy giặt.<br>Cải tạo nạo vét ống thoát nước. | BGH, PH trẻ                                                      | Vận động các nhà hảo tâm      | Trong năm học 2021-2022                   | 20 triệu                |

### 5. Tự đánh giá:

| <b>Mức 1</b> |                   | <b>Mức 2</b> |                   | <b>Mức 3</b> |                   |
|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt |
| a            | Đạt               | a            | Đạt               | -----        | Không đạt         |
| b            | Đạt               | b            | Đạt               | -----        |                   |
| c            | Đạt               | -----        |                   | -----        |                   |
| Đạt          |                   | Đạt          |                   | Không đạt    |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

## KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3

### 1. Điểm mạnh

Trường có các điều kiện của trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1; Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn:

- Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch rất rõ ràng, hợp lý. Có cổng trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định của điều lệ trường Mầm non đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

- Đủ số lượng phòng học theo quy định. Chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

- Có đầy đủ các loại máy văn phòng (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối internet phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, trẻ. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận lợi, an toàn, sạch sẽ.

- Có nhà để xe cho CB, GV, NV đảm bảo an toàn, thuận tiện.

- Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

- Hoạt động của thư viện của nhà trường đã đáp ứng nhu cầu khám phá của trẻ.

## **2. Điểm yếu**

- Đồ dùng trang thiết bị đầu tư cho các phong ban chưa được hiện đại. Diện tích một số phòng còn nhỏ.

- Nguồn kinh phí của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn. Từ đó, việc đầu tư cho mua sắm có phần hạn chế.

Số tiêu chí đạt: 6/6, trong đó:

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 6

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 6

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 0

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội**

Trong những năm qua, bên cạnh sự quan tâm chăm lo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nam Hùng, Phòng Giáo dục và Đào tạo Nam Trực, nhà trường đã xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội để cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục mầm non và đã nhận được sự quan tâm, phối hợp hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội; các bậc cha mẹ trẻ và cộng đồng nhân dân trong việc quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành là tổ chức hỗ trợ đắc lực trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp tốt việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, cũng như việc đầu tư cơ sở vật

chất ngày một khang trang đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Nhờ có sự chỉ đạo sát sao, đồng bộ từ phía Đảng và Chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể xã hội, các nhà tài trợ mà chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ không ngừng được cải tiến nâng cao; đồng thời đã huy động được một nguồn lực lớn về tinh thần, vật chất, góp phần xây dựng thành công trường Mầm non Nam Hùng khang trang, sạch đẹp, an toàn và thân thiện.

#### **Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

##### **Mức 1**

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

##### **Mức 2**

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

##### **Mức 3**

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1**

a) Trường có Đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo từng năm học trong đó nêu rõ các nhiệm vụ cụ thể, mục tiêu phấn đấu, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, thời gian thực hiện các nhiệm vụ đó; có kết quả và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tiễn.

Mỗi năm, trường đều tổ chức họp cha mẹ trẻ của các nhóm lớp. Ban ĐDCM trẻ của nhà trường họp thường kỳ theo chương trình hoạt động cả năm học và họp đột xuất khi có công việc với nhà trường. Trong các cuộc họp Ban

đại diện cha mẹ học sinh đều có biên bản thống nhất về các hoạt động phối hợp với nhà trường về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và công tác tuyên truyền vận động kêu gọi tài trợ tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng với nhu cầu thực tiễn sử dụng của nhà trường. Nhà trường tiếp thu ý kiến về công tác quản lý, các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ trẻ, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được thực hiện tốt.[ H4-4.1-02]

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đúng tiến độ, công khai, dân chủ và có báo cáo tổng kết vào cuối năm học, nhận được sự đồng thuận của tất cả phụ huynh.[ H4-4.1-03]

## **Mức 2**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; theo dõi và thực hiện các khoản thu chi đã thỏa thuận với nhà trường và tham gia phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục như: các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngày lễ hội, hoạt động tham quan dã ngoại, trải nghiệm ngoài nhà trường, làm đồ dùng đồ chơi, tham gia tư vấn thiết kế cải tạo hệ thống sân vườn, thiết kế các góc hoạt động, các khu vui chơi.... Đặc biệt, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong việc chăm sóc sức khỏe; giáo dục lễ giáo; giáo dục và rèn kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng xã hội cần thiết để hình thành nền nếp và những thói quen tốt cơ bản, thiết thực, gần gũi cho trẻ trong những năm đầu đời;

Trong các cuộc họp, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, chủ trương chính sách đối với giáo dục như: Luật Giáo dục, Luật trẻ em, Điều lệ trường mầm non, các Thông tư quy định về đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị của trẻ mầm non, Thông tư về chế độ của trẻ thuộc diện vùng khó khăn, trẻ khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ mồ côi, các Thông tư về phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường... để đông đảo cha mẹ trẻ và cộng đồng biết được các quyền của trẻ em và trách nhiệm của cha mẹ trẻ trong hoạt động phối hợp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tuyên truyền vận

động 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường và 31,2% trẻ em độ tuổi nhà trẻ đến nhóm lớp để được hưởng các quyền lợi chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục theo Chương trình giáo dục Mầm non. [ H4-4.1-04]

### **Mức 3**

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều 4,6 của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; phối hợp với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm ủng hộ tài trợ bằng hiện vật và kinh phí để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo nhu cầu sử dụng. Trong các cuộc họp, hội nghị quan trọng như hội nghị công chức viên chức, khai giảng năm học, sơ kết, tổng kết năm học Ban ĐDCM trẻ đều tham dự và đóng góp ý kiến xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. [ H4-4.1-05]

### **2. Điểm mạnh**

Mỗi lớp học có một Đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên quan tâm đến các hoạt động, phong trào của lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường luôn luôn phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường cũng như đại diện cha mẹ của từng lớp, góp phần đẩy mạnh các phong trào chung của nhà trường, đặc biệt, công tác xã hội hoá giáo dục kêu gọi vận động tài trợ cho nhà trường xây dựng trường Mầm non Nam Hùng khang trang bề thế đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo các điều kiện trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 và trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tạo được sự đồng thuận cao của phụ huynh toàn trường trong mọi hoạt động.

### **3. Điểm yếu**

Một số cha mẹ trẻ đi làm ăn xa gửi con cho ông bà chăm sóc đưa đón nên chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường do đó việc phối kết hợp với cộng đồng để tổ chức các hoạt động giáo dục còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                                           | <b>Nhân lực thực hiện</b><br>(chủ trì/<br>phối hợp/<br>giám sát) | <b>Điều kiện để thực hiện</b>                               | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Bố trí, sắp xếp thời gian tổ chức cuộc họp hợp lý.                                                                                        | BGH,<br>BDD CM HS                                                |                                                             | Hàng năm                                  | 2 triệu đồng            |
| Thông báo kế hoạch của lớp, của trường tới phụ huynh vắng bằng hình thức khác: sử dụng sổ liên lạc điện tử, điện thoại trao đổi trực tiếp | GVCN                                                             | Cha mẹ trẻ có điện thoại di động, máy tính kết nối Internet | Hàng năm                                  |                         |
| Phân công cho các đ/c GVCN chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ.                                                                              | BGH,<br>GVCN                                                     |                                                             | Hàng năm                                  |                         |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                   | <b>Mức 2</b> |                   | <b>Mức 3</b> |                   |
|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt |
| a            | Đạt               | *            | Đạt               | *            | Không đạt         |
| b            | Đạt               | -----        |                   | -----        |                   |
| c            | Đạt               | -----        |                   | -----        |                   |
| Đạt          |                   | Đạt          |                   | Không đạt    |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

#### Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế

hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định;

## **Mức 2**

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền, để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

## **Mức 3**

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hàng năm, nhà trường có tờ trình, kế hoạch đề xuất với UBND xã về các hoạt động lớn trong năm học được thông qua hội đồng nhân dân và được UBND nhất trí phê duyệt. [H2-4.2-01]

b) Qua các cuộc họp cha mẹ trẻ, họp Đảng ủy, HĐND của xã nhà trường đều tham mưu để chính quyền địa phương định hướng chủ trương và những quyết sách cho nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (website, loa truyền thanh) để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục mầm non, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: quyền lợi và trách nhiệm của cha mẹ học sinh trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường trong các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, những điểm mới của ngành giáo dục, kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường... để nhân dân địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc phát triển toàn diện nhà trường. Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các cấp chính quyền về tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, nhà

nước của ngành giáo dục và kế hoạch giáo dục của nhà trường trên loa phát thanh của xã và trên các phương tiện thông tin quần chúng.[H2-4.2-02]

c) Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch huy động các nguồn lực hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để phục vụ việc dạy-học, việc tăng cường cơ sở vật chất, cụ thể số tiền huy động trong 5 năm gần đây:

| Năm học   | Tổng số tiền huy động (triệu đồng) |
|-----------|------------------------------------|
| 2017-2018 | 89,4                               |
| 2018-2019 | 234,41                             |
| 2019-2020 | 3195                               |
| 2020-2021 | 216,420                            |
| 2021-2022 | 119,800.000                        |

Số tiền huy động được để bổ sung CSVCS như: nâng cấp cải tạo thiết kế hệ thống sân vườn, sửa chữa nâng cấp hệ thống cống thoát nước và làm mái che đồ chơi, mua sắm trang thiết bị đồ dùng các phòng chức năng và bếp ăn, mua bổ sung đồ dùng nuôi bán trú...[H4-4.2-03]

## Mức 2

a) Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện để từng bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển. Năm học 2018- 2019 tham mưu với Chính quyền địa phương mở rộng quy hoạch diện tích đất (chuyển sân vận động của 3 xóm Đông – May – Nam, nhường đất sân vận động cũ cho trường Mầm non) để có quỹ đất, làm cơ sở để vận động gia đình bà Phạm Thị An đầu tư, tài trợ xây dựng thêm 4 phòng học.[H4-4.2-04]

b) Hàng năm, nhà trường đã phối hợp cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của xã và các ban ngành ở địa phương tổ chức tốt các hoạt động giáo dục mầm non dựa vào cộng đồng, và các hoạt động khác. Cụ thể như: Ngày hội đến trường của bé; Bé vui đón Tết Trung Thu 2022; Bé trải nghiệm tham quan, dâng hương đình thờ Trạng Nguyên Vũ Tuấn Chiêu; Hội thi “Bé khỏe, bé tài năng”; Bé chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Bé chào mừng ngày hội của các chú bộ đội; Bé vui đón Tết cổ truyền; Bé chào mừng ngày hội 8/3; Chương trình “Bác Hồ với trẻ thơ và và tổng kết năm học 2021 -

2022”; Bé vui Tết thiếu nhi 1/6; Bé đi thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ nhân dịp 27/7,... thật ý nghĩa. Phối hợp với Ban công an xã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, an ninh trật tự trong các dịp Tết, kí cam kết chấp hành luật An toàn giao thông, các tệ nạn xã hội phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ. Phối hợp với trạm Y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ, phối hợp với Hội phụ nữ bảo vệ môi trường; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, về phòng chống bạo lực học đường, tư vấn cách chăm sóc nuôi dạy con theo khoa học. Phối hợp với chi Đoàn nhà trường để chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ, tìm hiểu các phong tục, văn hóa địa phương, thăm hỏi gia đình thương binh liệt sỹ; tuyên góp ủng hộ các trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật và trẻ em nghèo miền núi, vùng lũ lụt...[H4-4.2-05]

### **Mức 3**

Hàng năm nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể xã hội, cha mẹ trẻ, các cá nhân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy tắc ứng xử văn hóa, nếp sống văn hóa trong cơ quan trường học phù hợp với đặc thù của trẻ lứa tuổi mầm non, từng bước tiếp cận, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, một địa chỉ uy tín, tin cậy của Đảng chính quyền địa phương; cha mẹ học sinh và cộng đồng nhân dân. [H4-4.2-06]

## **2. Điểm mạnh**

Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nam Hùng, Phòng Giáo dục và Đào tạo Nam Trực luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao trong các hoạt động và phong trào của nhà trường, nhất là định hướng giữ vững chất lượng trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, góp phần xây dựng tiêu chí nông thôn mới nâng cao. kiểu mẫu.

Các tổ chức, ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm và có sự phối kết hợp trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ với nhiều hình thức phong phú cả về vật chất và tinh thần, tạo động lực cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Nhà trường đã huy động được sự ủng hộ tự nguyện từ phía cha mẹ trẻ, các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm về vật chất và tinh thần để tăng cường CSVC, mua sắm trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, hỗ trợ và kịp thời động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên

đạt thành tích xuất sắc trong năm học, quan tâm với những trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nên các hoạt động và phong trào đều phát triển tốt, đạt chất lượng hiệu quả cao.

### 3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                  | <b>Nhân lực thực hiện<br/>(chủ trì/<br/>phối hợp/<br/>giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Tiếp tục huy động sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm, các tổ chức XH.                                                | BGH,<br>CBGVNV,<br>BCMHS                                            |                               | Các năm học                               | 300 triệu đồng          |
| Đẩy mạnh việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp giáo dục mầm non | BGH,<br>CBGVNV,<br>CM trẻ                                           |                               | Các năm học                               |                         |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *         | Không đạt         |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -----     |                   |
| c       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Kết luận về tiêu chuẩn 4

### **Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học; luôn tạo được mối quan hệ tốt với cha mẹ trẻ và thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, xã hội; tạo được sự tác động đồng bộ về nhiều phương diện và sự thống nhất cao trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường mua sắm đồ dùng đồ chơi trang thiết bị phục vụ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, và kịp thời động viên khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong công tác, hỗ trợ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Thường xuyên tuyên truyền với nhiều nội dung và hình thức để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng nhân dân về mục tiêu, nội dung, hoạt động và cách đánh giá sự phát triển của trẻ tạo điều kiện cho cha mẹ trẻ và cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, phối hợp với các lực lượng xã hội và nhân dân địa phương để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đảm bảo mục tiêu trẻ phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, tiếp tục tăng cường CSVC, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ của nhà trường, đảm bảo các điều kiện trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trường đạt chuẩn Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn.

### **Điểm yếu**

Một số cha mẹ trẻ đi làm xa gửi con cho ông bà chăm sóc đưa đón nên chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường do đó việc phối kết hợp một số nội dung chăm sóc giáo dục trẻ còn hạn chế.

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại còn hạn chế.

Số tiêu chí đạt: 2/2, Trong đó

- + Số tiêu chí đạt mức 1: 2
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 2
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 0

### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ**

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy định, tổ chức hiệu quả các hoạt động chuyên môn để cải tiến phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể, các hoạt động trải nghiệm thực hành cuộc sống tại nhà trường để phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường được xây dựng theo quy định của Chương trình giáo dục Mầm non sửa đổi, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Kế hoạch năm học đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nam Trực phê duyệt và được phổ biến công khai đến giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Hàng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Trong 5 năm qua, kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đạt tốp đầu của huyện.

#### **Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non**

##### **Mức 1**

- a) Tổ chức thực hiện giáo dục mầm non theo kế hoạch
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non và có điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

##### **Mức 2**

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

##### **Mức 3**

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo Thông tư số 01/VBHN- BGDDT ngày 24/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phân phối Chương trình giáo dục Mầm non trong năm học dựa vào khung phân bố thời gian của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và chuyên đề trọng tâm được Hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của nhà trường, các nhóm lớp xây dựng kế hoạch của lớp mình và tổ chức thực hiện chương trình theo kế hoạch. Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc tổ chức các hoạt động. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ, đánh giá rút kinh nghiệm tìm ra cách khắc phục, có ghi chép biên bản. Viết báo cáo tổng kết năm học có nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình.[H5-5.1-01]

b) Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như: Triển khai tới toàn thể CB, GV, NV nắm rõ và thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn. Thường xuyên theo dõi và nhắc nhở những thành viên thực hiện chưa tốt. Khuyến khích những giáo viên có phương pháp đổi mới trong công tác giáo dục trẻ. Phát triển Chương trình giáo dục Mầm non phù hợp với điều kiện nhà trường như: Lựa chọn những mục tiêu trong kết quả mong đợi của Chương trình giáo dục Mầm non xây dựng kế hoạch nhà trường, của nhóm lớp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. [H5-5.1-02]

c) Dựa trên kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non của nhà trường cũng như của các nhóm lớp. Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện theo 2 kì/năm đối với từng độ tuổi vào thời điểm kết thúc học kì I và kết thúc học kì II. Công tác tổ chức và tiến hành tổ sinh hoạt chuyên môn của nhà trường đã đạt hiệu quả. Có phương hướng điều chỉnh kế hoạch sau mỗi chủ đề thực hiện. [H5-5.1-03]

### **Mức 2**

a) Để đảm bảo chất lượng trong việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non nhà trường đã triển khai thực hiện tới các nhóm lớp theo dõi, ghi chép kết quả của trẻ thông qua nhật ký ngày, nhật kí chủ đề và đánh giá sự phát triển của trẻ dựa vào các mục tiêu đưa ra của từng chủ đề. Tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài trời, các hoạt động trải nghiệm, tận dụng các tình huống thật để giáo dục trẻ kĩ năng sống, giúp trẻ “ Học mà chơi, chơi mà học” để phát triển toàn diện. Tổ chuyên môn kiểm tra, đánh giá trẻ theo từng kì để chất lượng được nâng lên.[H5-5.1-04]

b) Phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ nhà trường đã xây dựng kế hoạch lễ hội trong năm và các nhóm lớp xây dựng kế hoạch giáo dục của có lồng ghép các yếu tố liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng miền. Kế hoạch của nhà trường có sự cân đối hài hòa giữa các nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, nhận thức, thể chất, thẩm mỹ, đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện. Các hoạt động giáo dục như dạy kĩ năng sống, tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ như “Tết trung thu”; “Tết cổ truyền”; “Ngày hội đến trường”; “Sinh nhật Bác Hồ”; “Quốc tế thiếu nhi”...phù hợp với nền văn hóa của địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo. [H5-5.1-05]

### **Mức 3**

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành song chưa có sự tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới. Chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. [H5-5.1-06]

b) Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường vào thời điểm kết thúc năm học, hàng tháng lấy ý kiến chia sẻ của giáo viên gặp những khó khăn trong khi thực hiện. Cuối mỗi chủ đề nhà trường đều kiểm tra đánh giá kết quả chất lượng chăm sóc giáo dục bằng phiếu đánh giá cá nhân trẻ, bảng tổng hợp các lĩnh vực đã lựa chọn đưa vào thực hiện từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.[H5-5.1-07]

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non đảm bảo theo đúng kế hoạch, chất lượng giáo dục, đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với bối cảnh địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ và điều kiện nhà trường.

### 3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường chưa có sự sáng tạo.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>                                                                        | <b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| Xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | BGH, CB, GV, NV                                         |                               | Trong các năm học                         |                         |
| Tổ chức thực hiện theo kế hoạch có sự tham gia của các nhóm lớp                                                        | BGH, GV                                                 |                               | Trong các năm học                         |                         |
| Theo dõi, đánh giá các hoạt động sau khi đã điều chỉnh                                                                 | BGH, Tổ trưởng chuyên môn                               |                               | Trong các năm học                         |                         |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |      | Mức 2   |      | Mức 3   |      |
|---------|------|---------|------|---------|------|
| Chỉ báo | Đạt/ | Chỉ báo | Đạt/ | Chỉ báo | Đạt/ |

|     |           |       |           |           |           |
|-----|-----------|-------|-----------|-----------|-----------|
|     | Không đạt |       | Không đạt |           | Không đạt |
| a   | Đạt       | a     | Đạt       | a         | Không đạt |
| b   | Đạt       | b     | Đạt       | b         | Không đạt |
| c   | Đạt       | ----- |           | -----     |           |
| Đạt |           | Đạt   |           | Không đạt |           |

Kết quả: Đạt Mức 2

## **Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

### **Mức 1**

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

### **Mức 2**

- Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

### **Mức 3**

- Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm ”chơi mà học, học bằng chơi”

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Nhà trường tổ chức linh hoạt các hoạt động cho trẻ bằng nhiều phương pháp khác nhau như: Quan sát, trò chuyện, tạo tình huống, bài tập kiểm tra, noi gương và thực hành trải nghiệm. Nghiên cứu, lựa chọn các mục tiêu, nội dung trong Chương trình giáo dục Mầm non sửa đổi và xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với lứa tuổi trẻ mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như điều kiện thực tế của trường Mầm non Nam Hùng. [H5-5.2-01]

b) Các khu vực trong nhà trường như: góc cây, mảng tường, hành lang lớp học được quy hoạch theo hướng tận dụng các không gian để cho trẻ hoạt động phù hợp, linh hoạt, đa dạng, phong phú, các góc hoạt động trong và ngoài lớp

mang tính mở, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi để trẻ được trải nghiệm tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh. [H5-5.2-02]

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục **mầm non dựa vào cộng đồng. Cụ thể như:** Ngày hội đến trường của bé; Bé vui đón Tết Trung Thu 2022; Bé trải nghiệm tham quan, dâng hương đình thờ Trạng Nguyên Vũ Tuấn Chiêu; Hội thi “Bé khỏe, bé tài năng”; Bé chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Bé chào mừng ngày hội của các chú bộ đội; Bé vui đón Tết Quý Mùi 2023; Bé chào mừng ngày hội 8/3; Chương trình “Bác Hồ với trẻ thơ và tổng kết năm học 2021 - 2022”; Bé vui Tết thiếu nhi 1/6; **Bé đi thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ nhân dịp 27/7.** Các hoạt động được tổ chức theo kế hoạch tổ chuyên môn và giáo viên đã xây dựng phù hợp với từng độ tuổi trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. [H5-5.2-03]

## Mức 2

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ qua các góc vui chơi ngoài trời mà nhà trường đã tạo theo kế hoạch chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Cho trẻ được chủ động tham gia tích cực vào quá trình hoạt động để trẻ có hứng thú và chú ý hơn đến những điều trẻ được tiếp cận. Tổ chức các trò chơi dân gian như: Kéo co, nhảy bao bố, mèo đuổi chuột, bịt mắt bắt dê... trò chơi vận động như: Bật sâu, bò chui qua cổng, đá bóng, ném bóng, chơi với các thiết bị chơi ngoài trời để giúp trẻ phát triển tốt về thể lực. Tổ chức hội chợ, Butffe, tham quan, dã ngoại, giao lưu... Trẻ có thể học các kỹ năng sống bằng việc lặp đi lặp lại hành vi qua các bài tập, hoạt động, từ đó tăng cường khả năng ứng dụng các kỹ năng đó vào thực tế. Hoạt động trải nghiệm có sự tương tác với xã hội với giáo viên và các bạn cùng độ tuổi, trang lứa để có thể học hỏi, trợ giúp lẫn nhau. Các cô giáo đã định hướng, hỗ trợ, đánh giá, uốn nắn, sửa sai cho trẻ khi trẻ tham gia hoạt động và tổ chức các hoạt động dựa trên điều kiện môi trường mà nhà trường đã tạo dựng. [H5-5.2-04]

## Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp bước đầu phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ như: Đối với trong lớp, tổ chức cho trẻ hoạt động học, hoạt động vui chơi ở các góc. Trẻ được tích cực tham gia vào hoạt động, tự lựa chọn góc chơi, đồ chơi, vai chơi, trò chơi theo nhu cầu và khả năng của bản thân. Trẻ được tự đưa ra quyết định trong quá trình chơi. Giáo viên chấp nhận ý tưởng của trẻ, không áp đặt ý của mình. Tạo cơ hội cho mọi trẻ được tham gia

vào các trò chơi, góc chơi. Lồng ghép các nội dung giáo dục theo kế hoạch đang triển khai vào các trò chơi. Tổ chức đa dạng các loại trò chơi, các hoạt động để đáp ứng nhu cầu khám phá, học hỏi, sáng tạo của tất cả trẻ, phát triển năng lực cá nhân. Giáo viên luôn có thái độ nhẹ nhàng, tình cảm với trẻ, thể hiện ánh mắt, nụ cười tươi tắn với trẻ để thu hút trẻ chú ý. Có câu hỏi chỉ dẫn rõ ràng, ngắn gọn, chính xác. Quan tâm lắng nghe trẻ, trả lời những câu hỏi của trẻ. Động viên, khuyến khích và khen ngợi trẻ kịp thời, phù hợp với tình huống và tính cách của trẻ. Đối với môi trường ngoài lớp: Tổ chức cho trẻ hoạt động ở các góc chơi, chăm sóc cây xanh và hoa: Tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu...Trồng cây xanh để làm đẹp cho môi trường. Giáo viên kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia trải nghiệm với phương châm ”Chơi mà học, học bằng chơi” giúp trẻ phát triển toàn diện về các lĩnh vực: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội. [H5-5.2-05]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo công văn số 166/SGDĐT- GDMN ngày 22/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định.

Tổ chức tốt các hoạt động vui chơi, trải nghiệm cho trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Kinh phí hoạt động của nhà trường còn hạn hẹp nên công tác cải tạo, sửa chữa và nâng cấp các thiết bị chơi ở các góc trải nghiệm cho trẻ ngoài trời còn hạn chế.

Một số cha mẹ trẻ chưa coi trọng việc tổ chức cho trẻ đi thăm quan dã ngoại hoặc tham gia các tình huống thực tế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>                                                                                                   | <b>Nhân lực thực hiện</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non và chuyên đề trọng tâm trong năm học, kế hoạch chăm sóc, giáo dục theo chủ đề có | Phó Hiệu trưởng           | Giáo viên và trẻ              | Trong năm học              |                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |                             |               |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------|--|
| mục tiêu, nội dung phù hợp với từng độ tuổi, phù hợp điều kiện của trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                             |               |  |
| Tiếp tục thực hiện chuyên đề “ Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Tổ chức ngày hội, ngày lễ, tham quan dã ngoại cho trẻ phù hợp với điều kiện của trường                                                                                                                                                                                                         | Phó Hiệu trưởng    | Giáo viên, trẻ và phụ huynh | Trong năm học |  |
| <p>- Vận động cha mẹ trẻ ủng hộ nguyên vật liệu phế thải làm đồ dùng đồ chơi, ủng hộ ngày công tạo cảnh quan môi trường.</p> <p>- Tuyên truyền tới cha mẹ trẻ hiểu được tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực hành. Hiểu được ý nghĩa của việc tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại nhằm giáo dục trẻ kỹ năng sống và hiểu biết về thế giới xung quanh</p> | Cán bộ, giáo viên, | Cha mẹ trẻ                  | Trong năm học |  |

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | *         | Không đạt         |
| b       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| c       | Đạt               | -----   |                   | -----     |                   |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

#### Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học

## **Mức 2**

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

## **Mức 3**

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: 100% trẻ được tiêm vacxin, uống vitamin A theo quy định của ngành y tế vào ngày 1/6. Được các bác sĩ ở trạm y tế khám sức khỏe và uống thuốc tẩy giun theo định kỳ hàng năm. Nhà trường cùng với trạm y tế thường xuyên tuyên truyền cha mẹ trẻ phòng tránh một số loại dịch bệnh như: Covid-19, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, dịch tả, chân tay miệng ... bằng các biện pháp vệ sinh cá nhân trẻ, môi trường trong và ngoài nhóm lớp. [H5-5.3-01]

b) Nhân viên y tế nhà trường cùng với giáo viên phụ trách nhóm lớp có trách nhiệm đảm bảo 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng theo định kỳ vào tháng 9, tháng 12, tháng 3, tháng 5. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được theo dõi và đánh giá bằng biểu đồ tăng trưởng. Ban giám hiệu kiểm tra, tổng hợp vào sổ theo dõi sức khỏe nhà trường, hàng quý báo cáo. [H5-5.3-02]

c) Nhà trường có xây dựng kế hoạch khắc phục trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì dựa vào bảng tổng hợp kết quả theo dõi sức khỏe của trẻ. Phối hợp cùng các tổ chức xã hội phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ bằng các biện pháp: Tuyên truyền, phổ biến trực tiếp kiến thức về cách chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng tới cha mẹ trẻ, hoặc tuyên truyền trên loa phóng thanh, băng zôn, áp phích ... Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ đã được cải thiện hơn so với đầu năm. [ H5-5.3-03]

## **Mức 2**

a) Nhà trường đã kết hợp cùng với trạm y tế xã, Hội liên hiệp phụ nữ xã Nam Hùng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ, đồng thời tổ chức chuyên đề cho cha mẹ trẻ vào dịp Họp cha mẹ trẻ đầu năm về dinh dưỡng và sức khỏe trẻ mầm non. Thành lập một tổ tư vấn để tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về vấn đề liên quan sức khỏe của trẻ theo quý sau khi đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, giáo viên thường xuyên trao đổi với cha mẹ trẻ về vấn đề liên quan đến sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ vào giờ đón, trả trẻ.[H5-5.3-04]

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 điều chỉnh lại điểm d khoản 2 điều 1 thông tư số 28/2016/TT- BGDĐT, cụ thể như sau: Xây dựng thực đơn phù hợp với thực phẩm sẵn có ở địa phương theo tuần, theo mùa. Tính khẩu phần ăn cân đối, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ nhưng vẫn phù hợp với mức đóng góp, nhu cầu kinh tế của địa phương. Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục Mẫu giáo: Một bữa chính và 2 bữa phụ, Nhà trẻ: Hai bữa chính một bữa phụ.[H5-5.3-05]

c) Có kế hoạch khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng, 100% trẻ em suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng, có biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và đảm bảo sức khỏe cho trẻ thừa cân béo phì. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm dưới 1,2%. Tỷ lệ béo phì giảm 0,1%. [H5-5.3-06]

## **Mức 3**

Nhà trường theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, đánh giá theo quý tổng hợp kết quả vào sổ theo dõi sức khỏe nhà trường. Mẫu giáo: trẻ phát triển bình thường đạt 93,9 %, suy dinh dưỡng nhẹ cân 2,7%,

thừa cân 1,5%, béo phì 1,7%, suy dinh dưỡng thấp còi 3%. Nhà trẻ: Trẻ phát triển bình thường đạt 97%, suy dinh dưỡng nhẹ cân 3%, suy dinh dưỡng thấp còi 3%. [H5-5.3-07]

## 2. Điểm mạnh

Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn; Số trẻ có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 94% - 97%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em hàng năm giảm 0,2%. 100% trẻ được tiêm vacxin, uống vitamin A theo quy định của ngành y tế; được uống thuốc giun định kỳ vào 1/6 hàng năm. Trẻ được khám sức khỏe đầu năm học theo quy định.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường luôn duy trì mức cao, sức khỏe của trẻ được đảm bảo, tạo điều kiện cho trẻ phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với cơ sở y tế địa phương trong việc chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, do đó không có dịch bệnh xảy ra trong nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Một số trẻ chưa đạt chỉ số cân nặng, chiều cao bình thường theo yêu cầu độ tuổi tại thời điểm đánh giá;

Một số phụ huynh chưa có nhận thức đúng đắn trong việc chăm sóc dinh dưỡng do đó việc phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường để điều chỉnh chế độ dinh dưỡng cho trẻ hiệu quả chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện                                                                                                                                    | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện                 | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|---------------------|------------------|
| Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng đảm bảo phù hợp, hiệu quả, thúc đẩy giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trong nhà trường | Cán bộ, giáo viên  | Kết hợp gia đình cơ sở y tế địa phương | Trong các năm học   |                  |
| Tổ chức chuyên đề về dinh dưỡng và nấu ăn cho trẻ các                                                                                                                | Cán bộ, giáo viên  | Kết hợp nhà trường, gia                | 1 ngày trong        | 5 triệu đồng     |

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>                                                              | <b>Nhân lực thực hiện</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b>          | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| độ tuổi                                                                                               |                           | đình cơ sở y tế địa phương             | tháng 4/2021               |                         |
| Tăng cường tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con để nâng cao chất lượng dinh dưỡng cho trẻ tại gia đình | Cán bộ, giáo viên         | Liên hệ đài phát thanh xã, mạng xã hội | Các tháng trong năm học    |                         |

### 5. Tự đánh giá

| <b>Mức 1</b> |                   | <b>Mức 2</b> |                   | <b>Mức 3</b> |                   |
|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo      | Đạt/<br>Không đạt |
| a            | Đạt               | a            | Đạt               | *            | Không đạt         |
| b            | Đạt               | b            | Đạt               | .....        |                   |
| c            | Đạt               | c            | Đạt               | .....        |                   |
| Đạt          |                   | Đạt          |                   | Không đạt    |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

#### Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt ít nhất 85%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

#### Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt ít nhất 95%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

### **Mức 3**

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

### **1. Mô tả hiện trạng**

a) Hàng tháng nhà trường có sổ theo dõi, tổng hợp tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi và dưới 5 tuổi. Tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%. Để đạt được kết quả đó nhà trường đã tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương, các buổi sinh hoạt của chi hội phụ nữ các xóm, hội nghị cha mẹ trẻ đầu năm học để tuyên truyền về tầm quan trọng của trẻ mầm non được đến trường. [H5-5.4-01]

b) Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%. Để trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt kết quả cao nhà trường và giáo viên đã có những biện pháp như: Họp mặt giáo viên khối 5 tuổi để rút kinh nghiệm và nghe giáo viên trực tiếp đứng lớp trao đổi chia sẻ một số khó khăn, thuận lợi sau khi đánh giá trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non của nhà trường và trường tiểu học kết hợp đánh giá, mỗi giáo viên đứng lớp dựa vào các mục tiêu cần đạt trong kế hoạch của nhà trường, xây dựng kế hoạch của lớp cụ thể theo năm học, tháng, tuần, ngày với các mục tiêu, chỉ số, để lựa chọn vào 5 lĩnh vực tổ chức cho trẻ hoạt động học, vui chơi... Giáo viên theo dõi ghi chép vào sổ theo dõi cụ thể là nhật ký cuối ngày, nhật ký cuối chủ đề để điều chỉnh nội dung, cách tổ chức các hoạt động cho trẻ để trẻ có kiến thức tốt, sẵn sàng bước vào trường tiểu học. [H5-5.4-02]

c) Tại địa bàn không có trẻ khuyết tật.

### **Mức 2**

a) Nhà trường và giáo viên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền trẻ 5 tuổi và mẫu giáo dưới 5 tuổi tới trường đạt tỷ lệ 100%. Nhà trường tuyên truyền tới cha mẹ trẻ qua các hội nghị cha mẹ trẻ, qua truyền thông và các ban ngành đoàn thể trong xã. Tổng hợp kết quả theo dõi trẻ đến lớp vào cuối tháng. [H5-5.4-03]

b) Lập danh sách trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo kế hoạch và theo dõi đánh giá trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non được đánh giá rất cao vào cuối năm học do ban thi đua nhà trường đánh giá khảo sát tỷ lệ đạt 100%. Để có được kết quả đó nhà trường đã đi sâu vào nghiên cứu kỹ các nội dung giáo dục, mục tiêu, chỉ số phù hợp theo bộ chuẩn trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non, dựa vào kế hoạch của nhà trường mỗi giáo viên tham khảo xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ, khuôn viên của lớp, điều kiện cơ sở vật chất của trường giúp trẻ lĩnh hội tốt các kiến thức từ đó trẻ có tâm thế vững chắc bước vào lớp một.[H5-5.4-04]

c) Địa bàn không có trẻ khuyết tật.

### **Mức 3**

a) Nhà trường và giáo viên tổ chức tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non. Công tác phối kết hợp với cha mẹ trẻ để giúp trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình của nhà trường đạt hiệu quả tốt.

Tổng số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non của nhà trường, của lớp là 100% cuối năm học. [H5-5.4-05]

b) Địa bàn không có trẻ khuyết tật.

## **2. Điểm mạnh**

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi đạt tỉ lệ cao từ 90 - 95%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

## **3. Điểm yếu**

./.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b> | <b>Nhân lực thực hiện</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------|
|                                          |                           |                               |                            |                         |

## **5. Tự đánh giá**

|              |              |              |
|--------------|--------------|--------------|
| <b>Mức 1</b> | <b>Mức 2</b> | <b>Mức 3</b> |
|--------------|--------------|--------------|

| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo<br>(Nếu có) | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo<br>(Nếu có) | Đạt/<br>Không đạt |
|---------|-------------------|---------------------|-------------------|---------------------|-------------------|
| a       | Đạt               | a                   | Đạt               | a                   | Đạt               |
| b       | Đạt               | b                   | Đạt               | b                   | Đạt               |
| c       | Đạt               | c                   | Đạt               | -----               |                   |
| Đạt     |                   | Đạt                 |                   | Đạt                 |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### **Kết luận về tiêu chuẩn 5**

#### **Những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật**

##### **1. Điểm mạnh nổi bật**

- Nhà trường có các tổ chuyên môn: Nhà trẻ, mẫu giáo.
- Các tổ có kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cụ thể theo đúng thời gian quy định 2 lần/tháng
- Các đồng chí giáo viên có ý thức tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức để nâng cao nghiệp vụ sư phạm trau dồi phẩm chất đạo đức, sử dụng có hiệu quả đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học.
- Trẻ ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh. Trẻ có khả năng phán đoán, đánh giá, phân loại, chú ý, ghi nhớ có chủ định. Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Duy trì và tổ chức tốt các giờ hoạt động ngoại khóa với 100% trẻ tham gia. Nhà trường có sân chơi sắp xếp khoa học thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các trò chơi gian gian đảm bảo số lượng lớn trẻ tham gia
- Trẻ được tiêm vacxin, uống vitamin A và khám sức khỏe theo định kỳ, thực hiện chế độ ăn hợp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của trẻ.
- Trẻ được thực hiện các bài tập vận động cơ bản: Đi, chạy, bật nhảy, bò, trườn, trèo, tung, ném, bắt.
- Trẻ tập làm một số việc phục vụ trong sinh hoạt: Đánh răng, rửa mặt, rửa tay bằng xà phòng, đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ vệ sinh đúng cách.
- Trẻ nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và an toàn.

- Trẻ đi học đều tỷ lệ chuyên cần của các độ tuổi đạt từ 90% - 95%
- Tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt mức tối đa 100%

## **2. Điểm yếu**

- Nội dung của một số buổi sinh hoạt chuyên môn chưa đa dạng phong phú.
- Việc tổ chức cho phụ huynh tham gia cùng nhà trường trong các buổi hoạt động ngoại khóa chưa thường xuyên, phong phú.
- Trong quá trình hoạt động, một số trẻ chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động cùng bạn vào thời điểm đầu năm học.

Số tiêu chí đạt: 4/4, Trong đó

- + Số tiêu chí đạt mức 1: 4
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 4
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 1

## **PHẦN III. ĐÁNH GIÁ MỨC 4**

1. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

Tự đánh giá: Không đạt

2. Ít nhất 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Tự đánh giá: Không đạt

3. Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

Tự đánh giá: Không đạt

4. 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

Tự đánh giá: Không đạt

5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Tự đánh giá: Không đạt

6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Tự đánh giá: Không đạt

\* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:  $0/6 = 0\%$ ;

#### **PHẦN IV. KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ theo Thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường mầm non, căn cứ kết quả hoạt động của nhà trường trong những năm qua, trường Mầm non Nam Hùng tự đánh giá về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chuẩn, thấy được các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong tình hình mới.

Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được, nhà trường kiện toàn lại hệ thống chính trị, điều chỉnh và bổ sung lại những mặt còn thiếu sót. Xây dựng lại lực lượng nòng cốt để điều hành bộ máy hoạt động theo những tiêu chuẩn giáo dục đã quy định.

- Số lượng các tiêu chí đạt: 24/25 Tỷ lệ: 96%
- Số lượng các tiêu chí chưa đạt: 01
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 24/25 Tỷ lệ: 96%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 24/25 Tỷ lệ: 96%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/25 Tỷ lệ: 8%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 0

Với kết quả tự đánh giá đạt 24/25 tiêu chí tỷ lệ 96% ( trong đó số lượng tiêu chí đạt mức 1: 24/25 đạt tỷ lệ 96%; số lượng tiêu chí đạt mức 2: 24/25 đạt tỷ lệ 96%; số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/25 đạt tỷ lệ 8%).

Trường Mầm non Nam Hùng đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

*Nam Hùng, ngày 10 tháng 6 năm 2022*



**Nguyễn Thị Thúy**